

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN LỰC GELEX  
GELEX ELECTRICITY  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 246/2025/GE - CBTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025  
Hanoi, July 30, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh  
**To:** - *State Securities Commission of Vietnam*  
- *The Hochiminh Stock Exchange*

**1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (GELEX ELECTRIC)**

*Name of organization: GELEX Electricity Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán / Stock code: *GEE*
- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
*Address: No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung ward, Hanoi.*
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 73012344 Fax: 024 36331510
- E-mail: *ge@gelex-electric.com*

**2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

GELEX ELECTRIC trân trọng công bố: Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng năm 2025

*GELEX ELECTRIC respectfully disclosure information: Report on corporate governance for 6 months of the year 2025.*

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2025 tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>**

*This information was published on the company's website on 30/07/2025, as in the link: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We commit that the information published above is true and take full legal responsibility for its content.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng năm 2025/ *Report on corporate governance 6 months of the year 2025.*

**Người ủy quyền công bố thông tin  
Person authorized to disclose information**

  
**Nguyễn Thị Quyền**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN LỰC GELEX  
GELEX ELECTRICITY  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 245/2025/GE - BCQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025  
Hanoi, July, 30<sup>th</sup> 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE  
6 tháng năm 2025/ 6 months of year 2025**

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

**To:**

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX**
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại/Telephone: 02473012344 Fax: 024 36255297  
Email: ge@gelex-electric.com
- Vốn điều lệ/Charter capital: 3.659.999.560.000 VND
- Mã chứng khoán/Stock symbol: GEE
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:  
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/  
General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and  
General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ /The implementation of internal  
audit: Đã thực hiện/ Implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General



*Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| <b>Stt<br/>No.</b> | <b>Số Nghị quyết/Quyết định<br/>Resolution/Decision No.</b>                                                       | <b>Ngày<br/>Date</b> | <b>Nội dung<br/>Content</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                  | 01/2025/GE/NQ - ĐHĐCĐ<br><br>(ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ <i>Annual General Meeting of Shareholders in 2025</i> ) | 25/03/2025           | <p>Thông qua các nội dung như sau/<i>Approval of the following contents:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2025 -2030./<i>Approval of the List of the Vote Counting Committee Members, the Meeting Agenda, the Regulations on Organizing the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, and the Regulations on the Election of Members of the Board of Directors and the Board of Supervisors for the 2025-2030 term.</i></li> <li>- Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung các báo cáo: Báo cáo của Tổng giám đốc, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Kiểm soát/ <i>Approval of the full content of the following Reports: the General Director s' report, the Board of Directors' report, the Board of Supervisors' report;</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng năm 2024 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán)/<i>Approval of the 2024 Audited Financial Statements (including the 2024 Audited Separate Financial Statements and the 2024 Audited Consolidated Financial Statements).</i></li> <li>- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty/<i>Approval of the profit distribution plan of the Company for 2024;</i></li> </ul> |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2025/<i>Approval of the main performance indicators for 2025</i></li> <li>- Thông qua mức thu nhập, thù lao năm 2024 và kế hoạch thu nhập, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty/ <i>Approval of the remuneration and income of 2024 and the remuneration and income plan of 2025 for the Board of Directors and the Board of Supervisors.</i></li> <li>- Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025/ <i>Approval of the selection of an independent auditing firm for the 2025 Fiscal Year.</i></li> <li>- Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán độc lập phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc./ <i>Approval of the selection of an independent auditing firm to audit other activities of the Company when required.</i></li> <li>- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ <i>Approval of the plan to issue shares to increase share capital from owner's equity.</i></li> <li>- Thông qua việc Không tiếp tục thực hiện Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/GE/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty./ <i>Approval of the discontinuation of the public offering plan under resolution no. 01/2024/GE/NQ-ĐHĐCĐ of the company.</i></li> <li>- Thông qua việc Bầu 05 (năm) thành viên HĐQT (trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị) cho nhiệm kỳ 2025 - 2030 trên cơ sở danh sách ứng viên được ứng cử, đề cử hợp lệ theo quy định và Kết quả bầu thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2025 – 2030./<i>Approval of the Election of five (05) members of the Board of Directors (including one (01) independent member of the Board of Directors) for the 2025 - 2030</i></li> </ul> |
|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p><i>term based on the list of eligible nominated and self-nominated candidates and the election results;</i></p> <p>- Thông qua việc Bầu 03 (ba) thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2025 - 2030 trên cơ sở danh sách ứng viên được ứng cử, đề cử hợp lệ theo quy định và Kết quả bầu thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2025 – 2030./ <i>Approval of the Election of three (03) members of the Board of Supervisors for the 2025 - 2030 term based on the list of eligible nominated and self-nominated candidates and the election results.</i></p> |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/Board of Directors (Semi-annual report):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No | Thành viên HĐQT/<br>Board of Directors' members | Chức vụ/Position<br>(thành viên HĐQT độc lập,<br>TVHĐQT không điều hành/<br>Independent members of the Board<br>of Directors, Non-executive<br>members of the Board of Directors) | Ngày bắt đầu/không còn là<br>TV HĐQT/HĐQT độc lập<br>The date becoming/<br>ceasing to be the member<br>of the Board of Directors |                                            |
|-----------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|           |                                                 |                                                                                                                                                                                   | Ngày bổ<br>nhiệm<br>Date of<br>appointment                                                                                       | Ngày miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |
| 1         | Ông/Mr.<br>Nguyễn Văn Tuấn                      | Chủ tịch HĐQT (TV không điều<br>hành)<br>Chairman (Non – executive<br>member of the Board of Directors)                                                                           | 02/01/2020                                                                                                                       | 25/03/2025                                 |
| 2         | Ông/Mr.<br>Đặng Phan Tường                      | TV. HĐQT không điều hành<br>Non – executive member of the<br>Board of Directors                                                                                                   | 09/09/2021                                                                                                                       |                                            |
| 3         | Ông/Mr.<br>Đỗ Duy Hưng                          | TV. HĐQT không điều hành<br>Non – executive member of the<br>Board of Directors                                                                                                   | 09/09/2021                                                                                                                       |                                            |
| 4         | Ông/Mr.<br>Lê Bá Thọ                            | Chủ tịch HĐQT (TV không điều<br>hành)<br>Chairman (Non – executive<br>member of the Board of Directors)                                                                           | 19/04/2023                                                                                                                       |                                            |
| 5         | Ông/Mr.<br>Nguyễn Đức Luyện                     | Thành viên HĐQT độc lập<br>Independent member of the Board<br>of Directors                                                                                                        | 27/03/2024                                                                                                                       |                                            |

|   |                                  |                                                                                                           |            |  |
|---|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 6 | Ông/Mr.<br>Nguyễn Trọng<br>Trung | TV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc<br><i>Executive member of the Board of<br/>Directors cum General Director</i> | 25/03/2025 |  |
|---|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors:*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br><i>Board of Director'</i><br><i>member</i> | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/ <i>Number of<br/>meetings attended by<br/>Board of Directors</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp/ <i>Attendance<br/>rate</i> | Lý do không tham<br>dự họp/ <i>Reasons<br/>for absence</i>                           |
|------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/Mr.<br>Nguyễn Văn Tuấn                                     | 3/3                                                                                           | 100%                                             | Hết nhiệm kỳ kể<br>từ ngày<br>25/03/2025/ <i>End<br/>of term from<br/>25/03/2025</i> |
| 2          | Ông/Mr.<br>Đặng Phan Tường                                     | 6/6                                                                                           | 100%                                             |                                                                                      |
| 3          | Ông/Mr.<br>Đỗ Duy Hưng                                         | 6/6                                                                                           | 100%                                             |                                                                                      |
| 4          | Ông/Mr.<br>Lê Bá Thọ                                           | 6/6                                                                                           | 100%                                             |                                                                                      |
| 5          | Ông/Mr.<br>Nguyễn Đức Luyện                                    | 6/6                                                                                           | 100%                                             |                                                                                      |
| 6          | Ông/Mr.<br>Nguyễn Trọng Trung                                  | 3/3                                                                                           | 100%                                             | Bổ nhiệm kể từ<br>ngày 25/03/2025.<br><i>/appointed from<br/>25/03/2025</i>          |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of  
Management by the Board of Directors:*

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và quy định pháp luật, đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chồng chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

*The Board of Directors has supervised the activities of the Board of Management in accordance with the Company's Charter, Resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Company's internal management regulations and legal regulations, within its authority, without causing obstruction or overlap to the operations of the General Director and other executives of the Company.*



Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty thông qua các cuộc họp định kỳ/chuyên đề của công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, các mặt hoạt động khác, và chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh qua các Báo cáo, Tờ trình của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành. Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, mời Ban kiểm soát tham gia họp các cuộc họp HĐQT, cùng thảo luận/đóng góp ý kiến về các vấn đề của Công ty.

*The Board of Directors has carried out the management and supervision of the Company's Board of Management s' operations through regular/special meetings of the Company to understand the situation of production, business, investment, other activities and promptly handle issues arising in business activities through reports and proposals of the General Director and the Board of management. Coordinate with the Company's Board of Supervisors to inspect and understand the Company's operations, invite the Board of Supervisors to attend Board of Directors' meetings, discuss/contribute opinions on issues of the Company.*

Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc gồm các nội dung sau/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors include following activities:*

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;  
*Organize the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders and the Resolutions and Decisions of the Board of Directors;*
- Công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty và các CTTV;  
*Directing and orienting the production, business and investment activities of the Company and its subsidiaries.*
- Tổ chức bộ máy, nhân sự, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.  
*Organize the Company, personnel, issue internal management regulations of the Company.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):* Không có/Nil

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (annual report):* Vui lòng xem tại Phụ lục 1 đính kèm/ Please to see the Annex 1 attached.

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/Board of Supervisors (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors:

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br>Members of Board<br>of Supervisors | Chức vụ<br>Position                                        | Ngày bắt đầu/không còn<br>là thành viên BKS/ The<br>date becoming/ ceasing to<br>be the member of the<br>Board of Supervisors | Trình độ<br>chuyên môn<br>Qualification                                       |
|------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | Ông/Mr.<br>Đào Viết Đình                             | Trưởng BKS/<br>Head of Board<br>of Supervisors             | Ngày bắt đầu/Becoming<br>date: 19/04/2023                                                                                     | Cử nhân<br>Kinh tế/<br>Bachelor of<br>economic                                |
| 2.         | Ông/Mr.<br>Nguyễn Hoàng<br>Việt                      | Thành viên<br>BKS/<br>Member of<br>Board of<br>Supervisors | Ngày bắt đầu/Becoming<br>date: 12/11/2021                                                                                     | Cử nhân<br>thương mại<br>quốc tế/<br>Bachelor of<br>international<br>trade    |
| 3.         | Bà/Mr. Bùi Thị<br>Trang                              | Thành viên<br>BKS/<br>Member of<br>Board of<br>Supervisors | Ngày bắt đầu/Becoming<br>date: 19/04/2023                                                                                     | Cử nhân Kế<br>toán Kiểm<br>toán/<br>Bachelor of<br>accounting<br>and auditing |

2. Cuộc họp của BKS /Meetings of Board of Supervisors

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/Ủy<br>ban<br>Kiểm toán<br>Members of Board of<br>Supervisors/Audit<br>Committee | Số buổi họp<br>tham dự<br>Number of<br>meetings<br>attended | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br>Attendance<br>rate | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br>Voting rate | Lý do không<br>tham dự họp<br>Reasons for<br>absence |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/Mr.<br>Đào Viết Đình                                                                       | 1                                                           | 100%                                       | 100%                               |                                                      |
| 2          | Ông/Mr.<br>Nguyễn Hoàng Việt                                                                   | 1                                                           | 100%                                       | 100%                               |                                                      |
| 3          | Bà/Mr.<br>Bùi Thị Trang                                                                        | 1                                                           | 100%                                       | 100%                               |                                                      |



3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Một số hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

*The activities of the Board of Supervisors comply with the operational regulation that has been issued, as well as relevant governing legal regulations, based on the company's actual circumstances. Some key activities of the Board of Supervisors in 6 months of 2025 are as follows:*

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.

*Reviewing and supervising the implementation resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.*

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh định kỳ, báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính các quý.

*Assessing periodic business performance reports, annual and quarterly financial statements*

- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

*Evaluating the internal control system and proposing recommendations to improve its operational efficiency.*

- Thực hiện trao đổi với kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ về kết quả kiểm toán và các vấn đề cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

*Discussing with the independent auditor and internal auditor regarding audit results and issues of concern in the internal control system.*

- Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản phê duyệt. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty được tổ chức và tiến hành theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

*The Board of Directors held meetings and issued Resolutions/Decisions/Approval Documents. These meetings were organized and conducted in accordance with the Company's charter and applicable laws.*

- Ban Tổng Giám đốc điều hành đã triển khai các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ theo các quy định nội bộ và quy định pháp luật hiện hành.

*The Board of Management implemented the Resolutions/Decisions of the Board of Directors in compliance with internal regulations and applicable laws.*

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, kiểm soát việc thực hiện, triển khai kế hoạch kinh doanh tại các công ty thành viên thông qua người đại diện vốn theo mục tiêu đã đặt ra và tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh.

*The Board of Directors and the Board of Management directed and monitored the execution of business plans in subsidiary companies through representatives of capital, ensuring the achievement of set objectives and enhancing operational efficiency.*

- Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông.

*The Board of Supervisors did not receive any complaints from shareholders.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:* Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các quản lý bộ phận khác trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

*The Board of Supervisors closely coordinated with the Board of Directors, the Board of Management, and other managers in inspection and supervision activities while maintaining its independence in performing its duties and responsibilities:*

- Ban Kiểm soát được mời tham dự họp và được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của Ban Kiểm soát.

*The Board of Supervisors was invited to attend meetings and was provided with all relevant documents, and meeting minutes of the Board of Directors and other functional departments related to its work.*



- Ban Kiểm soát đã đưa kiến nghị về các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát trong các cuộc họp Hội đồng quản trị đã tham gia, các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về các vấn đề cần lưu tâm trong hoạt động của Công ty.

*The Board of Supervisors made recommendations on matters within its authority during the Board of Directors' meetings it participated in, as well as suggestions to the Board of Directors and the Executive Board on issues requiring attention in the company's operations.*

- Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp từ các Ban, bộ phận, nhân sự của Công ty và các đơn vị liên quan như cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát, cử nhân sự làm việc với Ban Kiểm soát khi cần thiết.

*The Board of Supervisor has received full support from the company's departments, teams, and personnel, as well as from related units, including the provision of necessary reports and documents for oversight and the assignment of staff to collaborate with the Board as needed.*

5. Hoạt động khác của BKS/*Other activities of the Board of Supervisors and*):  
Không có/*Nil*

#### IV. Ban điều hành/*Board of Management*

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>           | Ngày tháng năm sinh/<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn/<br><i>Qualification</i>                             | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br><i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management/</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/Mr. Nguyễn Trọng Trung - Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>       | 13/08/1982                                   | Cử nhân Kinh doanh Quốc tế/<br><i>Bachelor of international business</i> | Appointed from/ Bổ nhiệm từ 01/04/2020                                                                                            |
| 2          | Ông/Mr. Phạm Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i> | 03/11/1976                                   | Cử nhân Kinh tế/<br><i>Bachelor of economics</i>                         | Miễn nhiệm từ/<br>Dismissed from 29/04/2025                                                                                       |

#### **V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i> | Ngày tháng<br>năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên<br>môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/<br/>dismissal</i> |
|--------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Bà/Ms.<br>Nguyễn Thị Nga | 01/08/1989                                     | Cử nhân Kiểm<br>toán/ <i>Bachelor of<br/>auditing</i>    | Bổ nhiệm/ <i>appointed<br/>from: 15/11/2021</i>                           |

#### **VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director, other managers in accordance with regulations on corporate governance:*

Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn về quản trị công ty. Ngoài ra, các nhân sự quản lý điều hành Công ty còn cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn, các hội thảo liên quan đến quy định của công ty đại chúng nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành/ *Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director and other managers have attended courses and training sessions on corporate governance. In addition, the Company's management and executive staff have sent representatives to attend training courses, workshops, and seminars related to public company regulations to improve the Company's compliance with regulations issued by the State.*

#### **VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company***

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company:*

Vui lòng xem Phụ lục 2 đính kèm/ *Please see the Annex 2 attached*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*



Vui lòng xem Phụ lục 3 đính kèm/Please see the Annex 3 attached

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Vui lòng xem Phụ lục 4 đính kèm/Please see the Annex 4 attached

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects.*

Vui lòng xem Phụ lục 5 đính kèm/Please see the Annex 5 attached.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*

Vui lòng xem Phụ lục 6 đính kèm/Please see the Annex 6 attached.

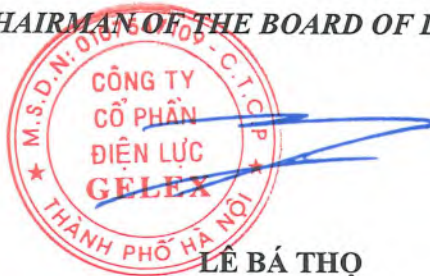
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

Vui lòng xem Phụ lục 7 đính kèm/Please see the Annex 7 attached.

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

Không có/Nil.<sub>3</sub>

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**PHỤ LỤC/ANNEX 1:**  
**DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**LIST OF RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(từ ngày 01/01/2025 cho đến ngày 30/06/2025)

(from 1 January 2025 to 30 June 2025)

| STT<br>No: | Số Nghị quyết/Quyết định<br><i>Resolution/ Decision No</i> | Ngày<br><i>Date</i>                       | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                       | Tỷ lệ<br>thông qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1          | 01/2025/GE/NQ-HĐQT<br><i>01/2025/GE/NQ-HDQT</i>            | 06/01/2025<br><i>6 January<br/>2025</i>   | Phê duyệt kế hoạch ngân sách của Công ty năm 2025<br><i>Approval of the Company Budget Plan for 2025</i>                                                                                                                         | 100%                                           |
| 2          | 02/2025/GE/NQ-HĐQT<br><i>02/2025/GE/NQ-HDQT</i>            | 22/01/2025<br><i>22 January<br/>2025</i>  | Cho ý kiến mức thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2024<br><i>Giving opinions on the 2024 business performance bonus</i>                                                                                                     | 100%                                           |
| 3          | 03/2025/GE/NQ-HĐQT<br><i>03/2025/GE/NQ-HDQT</i>            | 05/02/2025<br><i>5 February<br/>2025</i>  | Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Điện lực Gelex<br><i>Approval of the plan for organizing the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of GELEX Electricity Joint Stock Company</i> | 100%                                           |
| 4          | 04/2025/GE/NQ-HĐQT<br><i>04/2025/GE/NQ-HDQT</i>            | 06/02/2025<br><i>6 February<br/>2025</i>  | Cho ý kiến đối với Người đại diện phần vốn Công ty tại Công ty cổ phần thiết bị điện<br><i>Giving opinions to the Company's capital representative at Electrical Equipment Joint Stock Company</i>                               | 100%                                           |
| 5          | 05/2025/GE/NQ-HĐQT<br><i>05/2025/GE/NQ-HDQT</i>            | 21/02/2025<br><i>21 February<br/>2025</i> | Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>Approval of the Internal audit regulations of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                   | 100%                                           |
| 6          | 05A/2025/GE/NQ-HĐQT<br><i>05A/2025/GE/NQ-HDQT</i>          | 24/02/2025<br><i>24 February<br/>2025</i> | Cho ý kiến đối với Người đại diện phần vốn Công ty tại Công ty cổ phần thiết bị điện<br><i>Giving opinions to the Company's capital representative at Electrical Equipment Joint Stock Company</i>                               | 100%                                           |



|    |                                          |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|----|------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7  | 06/2025/GE/NQ-HĐQT<br>06/2025/GE/NQ-HĐQT | 25/02/2025<br>25 February<br>2025 | Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ <b>Chương trình ESOP 2024</b> ”) và các nội dung liên quan<br><i>Approval of the results of the shares issuance under the Employee Stock Ownership Plan (“ESOP 2024”) and related matters</i>                                                                                                                                                                                                                        | 100% |
| 8  | 07/2025/GE/NQ-HĐQT<br>07/2025/GE/NQ-HĐQT | 04/3/2025<br>4 March<br>2025      | Phê duyệt phương án nhân sự quản lý cấp cao, Người đại diện vốn; Ban Kiểm soát tại các Công ty thành viên của Công ty cổ phần Điện lực GELEX<br><i>Approval of the personnel plan for senior management, Capital representatives; the Supervisory Board at the Member Companies of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                                                                                                                               | 100% |
| 9  | 08/2025/GE/NQ-HĐQT<br>08/2025/GE/NQ-HĐQT | 04/3/2025<br>4 March<br>2025      | Cho ý kiến với người đại diện vốn Công ty về nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 các công ty cổ phần, phê duyệt nội dung trình chủ sở hữu của các công ty thành viên và một số nội dung khác.<br><i>Giving opinions to the Company's capital representative on the contents to be submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of the joint stock companies, and the contents to be submitted to the owner of the company member companies, and some others contents.</i> | 100% |
| 10 | 09/2025/GE/NQ-HĐQT<br>09/2025/GE/NQ-HĐQT | 04/3/2025<br>4 March<br>2025      | Thông qua chương trình và nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2025 của Công ty CP Điện lực GELEX<br><i>Approval of the agenda and meeting materials for the 2025</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100% |

|    |                                          |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|----|------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                          |                                | <i>AGM of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
| 11 | 10/2025/GE/NQ-HĐQT<br>10/2025/GE/NQ-HĐQT | 04/03/2025<br>March 4,<br>2025 | Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>The establishment of the Organizing Committee for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                                                                                    | 100% |
| 12 | 11/2025/GE/NQ-HĐQT<br>11/2025/GE/NQ-HĐQT | 10/03/2025<br>10 March<br>2025 | Thông qua việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ<br><i>Approval of the registration for changes to the business registration content due to changes in charter capital and amendments to the Charter.</i>                                                                                                                      | 100% |
| 13 | 12/2025/GE/NQ-HĐQT<br>12/2025/GE/NQ-HĐQT | 14/03/2025<br>14 March<br>2025 | Thông qua Báo cáo Danh sách ứng viên hợp lệ để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025<br><i>Approval of the Report on the List of eligible candidates for election to the Board of Directors and the Supervisory Board for the term 2025-2030 at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i> | 100% |
| 14 | 13/2025/GE/NQ-HĐQT<br>13/2025/GE/NQ-HĐQT | 17/3/2025<br>17 March<br>2025  | Chấp thuận phương án nhân sự quản lý cấp cao, người đại diện vốn; Ban kiểm soát tại các Công ty thành viên của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX và một số nội dung khác<br><i>Approval of the personnel plan for senior management, Capital representatives, the Supervisory Board at Member Companies of GELEX Electricity Joint Stock Company, and other matters.</i>                  | 100% |



|    |                                            |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|----|--------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15 | 14/2025/GE/NQ-HĐQT<br>14/2025/GE/NQ-HĐQT   | 25/03/2025<br>25 March<br>2025  | Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực GELEX nhiệm kỳ 2025-2030<br><i>Election of the Chairman of the Board of Directors of GELEX Electricity Joint Stock Company for the term 2025-2030.</i>                                                                                   | 100% |
| 16 | 15/2025/GE/NQ-HĐQT<br>15/2025/GE/NQ-HĐQT   | 28/03/2025<br>March 28,<br>2025 | Triển khai phương án Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu<br><i>The implementation of the plan for issuance of shares to increase equity capital from the owner's equity.</i>                                                                                          | 100% |
| 17 | 15A/2025/GE/NQ-HĐQT<br>15A/2025/GE/NQ-HĐQT | 01/4/2025<br>01 April<br>2025   | Về phương án nhân sự quản lý cấp cao của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX và các công ty thành viên<br><i>The personnel plan for senior management of GELEX Electricity Joint Stock Company and member companies</i>                                                                               | 100% |
| 18 | 16/2025/GE/NQ-HĐQT<br>16/2025/GE/NQ-HĐQT   | 04/4/2025<br>04 April<br>2025   | Nhân sự ban thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>Personnel of the Board of Directors' Secretariat of GELEX Electricity Joint Stock Company</i><br>(miễn nhiệm đối với bà Đinh Thị Tinh)<br>(Dismissal of Ms. Dinh Thi Tinh from her position)                                        | 100% |
| 19 | 17/2025/GE/NQ-HĐQT<br>17/2025/GE/NQ-HĐQT   | 04/4/2025<br>04 April<br>2025   | Nhân sự ban thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>Personnel of the Board of Directors' Secretariat of GELEX Electricity Joint Stock Company</i><br>(Bổ nhiệm nhân sự mới giữ chức danh thư ký HĐQT)<br>(Appoint new personnel to the position of Secretary of the Board of Directors) | 100% |
| 20 | 18/2025/GE/NQ-HĐQT<br>18/2025/GE/NQ-HĐQT   | 10/04/2025<br>10 April<br>2025  | Về việc chi trả phần còn lại cổ tức năm 2024 bằng tiền                                                                                                                                                                                                                                           | 100% |

|    |                                            |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|----|--------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                            |                                | <i>Regarding the payment of the remaining dividend for 2024 in cash</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
| 21 | 18A/2025/GE/NQ-HĐQT<br>18A/2025/GE/NQ-HĐQT | 10/04/2025<br>10 April<br>2025 | Phê duyệt Hợp đồng vay vốn nước ngoài và một số giao dịch, nội dung liên quan<br><i>Approval of the Foreign loan agreement and related transactions, and other matters</i>                                                                                                                                                                                                      | 100% |
| 22 | 19/2025/GE/NQ-HĐQT<br>19/2025/GE/NQ-HĐQT   | 16/04/2025<br>16 April<br>2025 | Chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu<br><i>The finalization of the list of shareholders to exercise the right to receive shares issued due to the increase in share capital from shareholders' equity.</i>                                                                                    | 100% |
| 23 | 20/2025/GE/NQ-HĐQT<br>20/2025/GE/NQ-HĐQT   | 18/04/2025<br>18 April<br>2025 | Phân công nhiệm vụ các Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>Assigning tasks to the members of the Board of Directors of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                                                                                                                              | 100% |
| 24 | 21/2025/GE/NQ-HĐQT<br>21/2025/GE/NQ-HĐQT   | 26/04/2025<br>26 April<br>2025 | Thông qua phương án thù lao/thu nhập và việc chi trả thù lao/thu nhập cho từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty năm 2025 và nhân sự Ban thư ký Hội đồng quản trị<br><i>Approval of the remuneration/income plan and payment of remuneration/income for each member of the Board of Directors and the personnel of the Board of Directors' Secretariat for the year 2025</i> | 100% |
| 25 | 22/2025/GE/NQ-HĐQT<br>22/2025/GE/NQ-HĐQT   | 26/04/2025<br>26 April<br>2025 | Thông qua Chương trình/Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 từ nay đến kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><i>Approval of the Program/Action Plan of the Board of Directors for</i>                                                                                                                                                                    | 100% |



|    |                                          |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|----|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                          |                                | <i>the year 2025 from now until the Annual General Meeting of Shareholders in 2026</i>                                                                                                                                                                                               |      |
| 26 | 23/2025/GE/NQ-HĐQT<br>23/2025/GE/NQ-HĐQT | 29/04/2025<br>29 April<br>2025 | Phương án nhân sự quản lý cấp cao của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>The personnel plan of the senior managers of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                                                                    | 100% |
| 27 | 24/2025/GE/NQ-HĐQT<br>24/2025/GE/NQ-HĐQT | 29/4/2025<br>29 April<br>2025  | Cho ý kiến đối với phương án nhân sự của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội<br><i>Giving opinions on the personnel plan of Hanoi Electromechanical Manufacturing Joint Stock Company</i>                                                                                         | 100% |
| 28 | 25/2025/GE/NQ-HĐQT<br>25/2025/GE/NQ-HĐQT | 29/4/2025<br>29 April<br>2025  | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 2920/2025/ĐDV-VBXYK của Những người đại diện vốn của GEE tại Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam<br><i>Giving opinions on Document No. 2920/2025/ĐDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at Vietnam Electric Cable Corporation</i> | 100% |
| 29 | 26/2025/GE/NQ-HĐQT<br>26/2025/GE/NQ-HĐQT | 29/4/2025<br>29 April<br>2025  | Cho ý kiến về việc điều chỉnh mức thù lao đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Dây đồng Việt Nam CFT<br><i>Giving opinions on the admendment of the remuneration for the position of Chairman of the Board of Members of CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>             | 100% |
| 30 | 27/2025/GE/NQ-HĐQT<br>27/2025/GE/NQ-HĐQT | 06/5/2025<br>06 May<br>2025    | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 04/2025/ĐDV-VBXYK của Những người đại diện vốn của GEE tại Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội<br><i>Giving opinions on Document No. 04/2025/ĐDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at Hanoi Electromechanical</i>          | 100% |

|    |                                          |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|----|------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                          |                              | <i>Manufacturing Joint Stock Company</i>                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
| 31 | 28/2025/GE/NQ-HĐQT<br>28/2025/GE/NQ-HĐQT | 06/05/2025<br>06 May<br>2025 | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 06/2025/THI-ĐDV của những Người đại diện của GEE tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện<br><i>Giving opinions on Document No. 06/2025/ĐDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at Electrical Equipment Joint Stock Company</i>                                   | 100% |
| 32 | 29/2025/GE/NQ-HĐQT<br>29/2025/GE/NQ-HĐQT | 06/05/2025<br>06 May<br>2025 | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 03/GETC/ĐDV-VBXYKY của những Người đại diện vốn của GEE tại Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX<br><i>Giving opinions on Document No. 03/GETC/ĐDV- VBXYKY from the representatives of GEE's capital at GELEX Electricity Trading Joint Stock Company</i>                | 100% |
| 33 | 30/2025/GE/NQ-HĐQT<br>30/2025/GE/NQ-HĐQT | 08/05/2025<br>08 May<br>2025 | Thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty TNHH Gelex Technology<br><i>Approval of the capital contribution plan for the establishment of GELEX Technology Company Limited</i>                                                                                                                               | 100% |
| 34 | 31/2025/GE/NQ-HĐQT<br>31/2025/GE/NQ-HĐQT | 09/5/2025<br>09 May<br>2025  | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 04/2025/ĐDV- VBXYKY của những Người đại diện vốn của GEE tại Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC<br><i>Giving opinions on Document No. 04/2025/ĐDV- VBXYKY from the representatives of GEE's capital at EMIC Electrical Measuring Instrument Joint Stock Company</i> | 100% |
| 35 | 32/2025/GE/NQ-HĐQT<br>32/2025/GE/NQ-HĐQT | 12/5/2025<br>12 June<br>2025 | Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và các nội dung liên quan<br><i>Approval of the results of the share issuance to increase charter</i>                                                                                                                          | 100% |



|    |                                            |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|----|--------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                            |                             | <i>capital from the owner's equity and other related matters</i>                                                                                                                                                                                               |      |
| 36 | 33A/2025/GE/NQ-HĐQT<br>33A/2025/GE/NQ-HĐQT | 13/5/2025<br>13 May<br>2025 | Sửa đổi, bổ sung Quy chế Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX tại các doanh nghiệp<br><i>Approval of amendments and supplements to the Regulation on Capital Representatives of GELEX Electricity Joint Stock Company at companies.</i>       | 100% |
| 37 | 33B/2025/GE/NQ-HĐQT<br>33B/2025/GE/NQ-HĐQT | 13/5/2025<br>13 May<br>2025 | Sửa đổi, bổ sung Hệ thống phân quyền của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>Approval of amendments and supplements of the Authority Delegation System of the Board of Directors of GELEX Electricity Joint Stock Company at companies.</i> | 100% |
| 38 | 34/2025/GE/NQ-HĐQT<br>34/2025/GE/NQ-HĐQT   | 19/5/2025<br>19 May<br>2025 | Thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần EEMC do THIBIDI sở hữu và chấp thuận giao dịch với Người có liên quan<br><i>Approval of the plan to acquire EEMC shares owned by THIBIDI and the approval of the Related party transaction.</i>                 | 100% |
| 39 | 35/2025/GE/NQ-HĐQT<br>35/2025/GE/NQ-HĐQT   | 19/5/2025<br>19 May<br>2025 | Thông qua phương án nhân sự của Công ty TNHH GELEX Technology – Công ty con dự kiến thành lập của GELEX Electric<br><i>Approval of the personnel plan for GELEX Technology Company Limited - a proposed subsidiary to be established by GELEX Electric.</i>    | 100% |
| 40 | 36/2025/GE/NQ-HĐQT<br>36/2025/GE/NQ-HĐQT   | 19/5/2025<br>19 May<br>2025 | Thông qua việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ Công ty và Sửa đổi Điều lệ Công ty<br><i>Approval of the registration for changes to the enterprise registration details due to a</i>                                    | 100% |

|    |                                          |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|----|------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                          |                              | <i>change in the Company's charter capital and the amendment of the Company Charter.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
| 41 | 37/2025/GE/NQ-HĐQT<br>37/2025/GE/NQ-HĐQT | 10/6/2025<br>10 June<br>2025 | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 4596/2025/ĐDV-VBXYK của những người đại diện vốn tại Công ty CP dây cáp điện Việt Nam<br><i>Giving opinions on Document No.4596/2025/ĐDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at Vietnam Electric Cable Corporation</i>                                                                                                                                                                         | 100% |
| 42 | 38/2025/GE/NQ-HĐQT<br>38/2025/GE/NQ-HĐQT | 10/6/2025<br>10 June<br>2025 | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 06/2025/ĐDV-VBXYK của những người đại diện vốn tại Công ty CP sản xuất máy biến áp và truyền tải MEE<br><i>Giving opinions on Document No.06/2025/ĐDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at MEE Power Transformer Manufacturing Joint Stock Company</i>                                                                                                                                       | 100% |
| 43 | 39/2025/GE/NQ-HĐQT<br>39/2025/GE/NQ-HĐQT | 18/6/2025<br>18 June<br>2025 | Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 08/2025/ĐDV-VBXYK của những người đại diện vốn tại Công ty Dây đồng Việt Nam CFT và Tờ trình số 20/2025/CFT/TTR-HĐTV của Hội đồng thành viên Công ty Dây đồng Việt Nam CFT<br><i>Giving opinions on Document No.08/2025/ĐDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at CFT Vina Copper Co., Ltd. and the Proposal No.20/2025/CFT/TTR-HĐTV of the Board of Members of CFT Vina Copper Co., Ltd.</i> | 100% |
| 44 | 40/2025/GE/NQ-HĐQT<br>40/2025/GE/NQ-HĐQT | 18/6/2025<br>18 June<br>2025 | Điều chỉnh phương án người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX tại Công ty Dây đồng Việt Nam CFT<br><i>Admendment of the plan of capital representation of GELEX</i>                                                                                                                                                                                                                                                               | 100% |



|    |                                          |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|----|------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                          |                              | <i>Electricity Joint Stock Company at CFT Vina Copper Co., Ltd.</i><br><i>Transfer the first profit of 2024 to the owner of GELEX Power Generation Company limited.</i>                                                                                                                                 |      |
| 45 | 41/2025/GE/NQ-HĐQT<br>41/2025/GE/NQ-HĐQT | 18/6/2025<br>18 June<br>2025 | Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 của Bộ phận Kiểm toán nội bộ<br><i>Approval of the 2025 internal audit plan of the Internal Audit Department.</i>                                                                                                                                          | 100% |
| 46 | 42/2025/GE/NQ-HĐQT<br>42/2025/GE/NQ-HĐQT | 30/6/2025<br>30 June<br>2025 | Cho ý kiến với Văn bản xin ý kiến số 07/2025/DDV-VBXYK của những Người đại diện tại Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE<br><i>Giving opinions on Document No.07/2025/DDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at MEE Power Transformer Manufacturing Joint Stock Company</i> | 100% |
| 47 | 43/2025/GE/NQ-HĐQT<br>43/2025/GE/NQ-HĐQT | 30/6/2025<br>30 June<br>2025 | Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2025<br><i>Selection of the independent auditing firm for the 2025 financial statements.</i>                                                                                                                                                   | 100% |
| 48 | 44/2024/GE/NQ-HĐQT<br>44/2024/GE/NQ-HĐQT | 30/6/2025<br>30 June<br>2025 | Cho ý kiến với Văn bản xin ý kiến số 5539/2025/DDV-VBXYK của những Người đại diện tại Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam<br><i>Giving opinions on Document No.5539/2025/DDV-VBXYK from the representatives of GEE's capital at Vietnam Electric Cable Corporation</i>                                | 100% |
| 49 | 45/2025/GE/NQ-HĐQT<br>45/2025/GE/NQ-HĐQT | 30/6/2025<br>30 June<br>2025 | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty.<br><i>Approval of the plan to organize the Extraordinary General Meeting of Shareholders of the Company in 2025.</i>                                                                                                   | 100% |

|   |                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|---|--------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1 | 01/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>01/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | <p>Phương án cử đại diện vốn của Công ty Cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội (“HEM”) tại Công ty CP Chế Tạo Điện Cơ HEM (“HEM EMM”)</p> <p><i>Capital representation nomination plan of Hanoi Electromechanical Manufacturing Joint Stock Company (“HEM”) at HEM EMM”).</i></p>                                                | 100% |
| 2 | 02/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>02/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | <p>Phương án kiện toàn HĐQT Công ty CP chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”), người đại diện phần vốn của Công ty tại HEM</p> <p><i>Plan for consolidating the Board of Directors of Hanoi Electromechanical Manufacturing Joint Stock Company (“HEM”), and appointing the capital representative of the Company at HEM.</i></p> | 100% |
| 3 | 03/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>03/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | <p>Phương án nhân sự cấp cao tại Công ty TNHH Phát điện GELEX</p> <p><i>Senior executive appointment plan for GELEX Power Generation Company Limited.</i></p>                                                                                                                                                             | 100% |
| 4 | 04/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>04/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | <p>Bổ trí lại nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên (“GETC Hưng Yên”)</p> <p><i>Reassignment of personnel to the Supervisory Board of GELEX Hung Yen Power Trading Joint Stock Company (“GETC Hung Yen”)</i></p>                                                                     | 100% |
| 5 | 05/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>05/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | <p>Bổ trí lại nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần Mua bán điện GELEX (“GETC”)</p> <p><i>Reassignment of personnel to the Supervisory Board of GELEX Electricity Trading Joint Stock Company (“GETC”).</i></p>                                                                                                  | 100% |



|    |                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|----|--------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6  | 06/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>06/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ phần vốn đại diện của ông Trưởng đại diện của Công ty tại CADIVI<br><i>Approval of the adjustment to the capital representation ratio of the Head of Representative of the Company at CADIVI.</i>                                                                                                                                                                     | 100% |
| 7  | 07/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>07/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Bổ trí nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC (“EMIC”) và phương án nhân sự đại diện vốn Công ty tại EMIC.<br><i>Appointment of personnel to the Board of Directors and Supervisory Board of EMIC Electrical Measuring Instrument Joint Stock Company (“EMIC”), along with the capital representation personnel plan of the Company at EMIC.</i> | 100% |
| 8  | 08/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>08/2024/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Ủy quyền đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty CP sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE<br><i>Authorization of capital representation of the Company at MEE Power Transformer Manufacturing Joint Stock Company</i>                                                                                                                                                                            | 100% |
| 9  | 09/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>09/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Phương án nhân sự cấp cao của Công ty Dây đồng Việt Nam CFT<br><i>Senior executive personnel plan of CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>                                                                                                                                                                                                                                                               | 100% |
| 10 | 10/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>10/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Bổ trí nhân sự tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”), người đại diện phần vốn Công ty tại THIBIDI<br><i>Appointment of personnel to the Board of Directors of Electrical Equipment Joint Stock Company (“THIBIDI”), along with the capital representation personnel plan of the Company at THIBIDI.</i>                                                                        | 100% |

|    |                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                       |      |
|----|--------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11 | 11/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>11/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Ủy quyền đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện<br><i>Authorization of capital representation of the Company at Electrical Equipment Joint Stock Company</i>                                 | 100% |
| 12 | 12/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>12/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Phương án kiện toàn nhân sự cấp cao tại Công ty tại Công ty CP sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE<br><i>Plan for consolidating the senior personnel at MEE Power Transformer Manufacturing Joint Stock Company</i>   | 100% |
| 13 | 13/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>13/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 04/3/2025<br>04 March<br>2025 | Phê duyệt KHKD năm 2025 của Công ty cổ phần Điện lực GELEX<br><i>Approval of the 2025 Business Plan of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                      | 100% |
| 14 | 14/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>14/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 17/3/2025<br>17 March<br>2025 | Phương án nhân sự quản lý cấp cao tại Công ty CP sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE<br><i>Senior management personnel plan for MEE Power Transformer Manufacturing Joint Stock Company</i>                           | 100% |
| 15 | 15/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>15/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 17/3/2025<br>17 March<br>2025 | Ủy quyền đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty CP sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE<br><i>Authorization of capital representation of the Company at MEE Power Transformer Manufacturing Joint Stock Company</i> | 100% |
| 16 | 16/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>16/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 17/3/2025<br>17 March<br>2025 | Phương án nhân sự Ban kiểm soát Công ty Dây đồng Việt Nam CFT<br><i>Supervisory Board personnel plan for CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>                                                                                | 100% |
| 17 | 17/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>17/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 17/3/2025<br>17 March<br>2025 | Điều chỉnh thù lao Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của Công ty Dây đồng Việt Nam CFT<br><i>Adjustment of remuneration for the Members' Council and the</i>                                                         | 100% |



|    |                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|----|--------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                            |                               | <i>Supervisory Board of CFT Vina Copper Co., Ltd</i>                                                                                                                                                                                         |      |
| 18 | 18/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>18/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 01/4/2025<br>01 April<br>2025 | Phương án bổ nhiệm nhân sự quản lý của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX<br><i>The appointment of the management personnel of GELEX Electricity Joint Stock Company</i>                                                                         | 100% |
| 19 | 19/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>19/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 01/4/2025<br>01 April<br>2025 | Phương án nhân sự quản lý cấp cao tại Công ty CP thiết bị đo điện EMIC<br><i>Senior Management Personnel Plan at EMIC Electrical Measuring Instrument Joint Stock Company</i>                                                                | 100% |
| 20 | 20/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>20/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 01/4/2025<br>01 April<br>2025 | Phương án nhân sự quản lý cấp cao tại Công ty CP Thiết bị điện<br><i>Senior Management Personnel Plan at Electrical Equipment Joint Stock Company</i>                                                                                        | 100% |
| 21 | 22/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>22/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 08/5/2025<br>08 May<br>2025   | Sửa đổi bổ sung Quy chế Người đại diện vốn của Công ty<br><i>Revising and supplementing the Regulation on Capital Representatives of GELEX Electric</i>                                                                                      | 100% |
| 22 | 23/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>23/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 08/5/2025<br>08 May<br>2025   | Tham gia góp vốn thành lập Công ty con<br><i>Participation in capital contribution to establish a subsidiary</i>                                                                                                                             | 100% |
| 23 | 24/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>24/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 08/5/2025<br>08 May<br>2025   | Thông qua giao dịch có liên quan giữa Công ty Cổ phần Điện lực GELEX và Công ty TNHH Gelex Technology<br><i>Approval of the related party transaction between GELEX Electricity Joint Stock Company and Gelex Technology Company Limited</i> | 100% |
| 24 | 25/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>25/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 08/5/2025<br>08 May<br>2025   | Thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty TNHH GELEX Technology                                                                                                                                                                          | 100% |

|    |                                            |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|----|--------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                                            |                              | <i>Approval of the appointment of the General Director of GELEX Technology Company Limited</i>                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
| 25 | 26/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>26/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 08/5/2025<br>08 May<br>2025  | Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty TNHH GELEX Technology<br><i>Approval of the appointment of the Chief Accountant of GELEX Technology Company Limited</i>                                                                                                                                                                                       | 100% |
| 26 | 27/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>27/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 19/5/2025<br>19 May<br>2025  | Về việc cử người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX tại Công ty TNHH GELEX Technology<br><i>The appointment of the capital representative of GELEX Electricity Joint Stock Company at GELEX Technology Company Limited</i>                                                                                                                      | 100% |
| 27 | 28/2025/GE/ QĐ-HĐQT<br>28/2025/GE/ QĐ-HĐQT | 12/6/2025<br>12 June<br>2025 | Ban hành phụ lục sửa đổi, bổ sung Phụ lục 01 - Danh sách CTTV thuộc đối tượng quản lý theo ngành dọc theo Quy chế người đại diện vốn của GELEX Electric<br><i>Promulgation of the revised and supplemented Appendix 01 – List of Company Members subject to vertical management according to the Regulation on Capital Representatives of GELEX Electric</i> | 100% |





**PHỤ LỤC/ANNEX 2:**  
**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY**  
**LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/<br>individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any)                          | Giấy NSH*/NSH Certificate |                           |                           | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons         | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company |
|------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------|
|            |                                                            |                                                                                 |                                                                                           | Số Giấy NSH<br>NSH No.    | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue |                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                          |                                                                    |
| 1.         | Ông/Mr. Nguyễn Văn Tuấn                                    |                                                                                 | Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/03/2025/<br>Chairman of Board of Directors until March 25, 2025 |                           |                           |                           |                                                     | 02/01/2020                                                                          | 25/03/2025                                                                          | Hết nhiệm kỳ/End of term | Người nội bộ của Công ty / Internal person                         |
| 2.         | Ông/Mr. Lê Bá Thọ                                          |                                                                                 | Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/03/2025/<br>Chairman of Board of Directors form March 25, 2025   |                           |                           |                           |                                                     | 19/04/2023                                                                          |                                                                                     |                          | Người nội bộ của Công ty/ Internal person                          |

|    |                                  |  |                                                                                        |  |  |  |  |            |  |  |                                                             |
|----|----------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|--|--|-------------------------------------------------------------|
| 3. | Ông/Mr.<br>Đặng Phan<br>Tường    |  | Thành viên<br>HĐQT /<br><i>Member of<br/>Board of<br/>Directors</i>                    |  |  |  |  | 17/05/2021 |  |  | Người nội bộ<br>của Công ty /<br><i>Internal<br/>person</i> |
| 4. | Ông/Mr.<br>Đỗ Duy Hưng           |  | Thành viên /<br><i>Member of<br/>Board of<br/>Directors</i>                            |  |  |  |  | 09/09/2021 |  |  | Người nội bộ<br>của Công ty /<br><i>Internal<br/>person</i> |
| 5. | Ông/Mr.<br>Nguyễn Đức<br>Luyện   |  | Thành viên<br>độc lập /<br><i>Independant<br/>member of<br/>Board of<br/>Directors</i> |  |  |  |  | 27/03/2024 |  |  | Người nội bộ<br>của Công ty/<br><i>Internal<br/>person</i>  |
| 6. | Ông/Mr.<br>Nguyễn<br>Hoàng Việt  |  | Thành viên<br>Ban Kiểm<br>soát / <i>Member<br/>of Board of<br/>Supervisors</i>         |  |  |  |  | 12/11/2021 |  |  | Người nội bộ<br>của Công ty /<br><i>Internal<br/>person</i> |
| 7. | Ông/Mr.<br>Đào Viết<br>Đình      |  | Trưởng Ban<br>Kiểm / <i>Head<br/>of Board of<br/>Supervisors</i>                       |  |  |  |  | 19/04/2023 |  |  | Người nội bộ<br>của Công ty /<br><i>Internal<br/>person</i> |
| 8. | Bà/Ms.<br>Bùi Thị Trang          |  | Thành viên<br>Ban Kiểm /<br><i>Member of<br/>Board of<br/>Supervisors</i>              |  |  |  |  | 19/04/2023 |  |  | Người nội bộ<br>của Công ty /<br><i>Internal<br/>person</i> |
| 9. | Ông/Mr.<br>Nguyễn<br>Trọng Trung |  | Thành viên<br>HĐQT kiêm<br>Tổng Giám<br>đốc / <i>Member</i>                            |  |  |  |  | 04/08/2022 |  |  | Người nội bộ<br>của Công ty/<br><i>Internal<br/>person</i>  |



|     |                         |  |                                                                                                                                                                                                                             |  |  |  |  |            |            |                            |                                                                                         |
|-----|-------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                         |  | <i>of Board of Directors cum General Director</i>                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |            |            |                            |                                                                                         |
| 10. | Ông/Mr. Phạm Tuấn Anh   |  | Phó Tổng Giám đốc – Người được ủy quyền CBTT- Người phụ trách quản trị công ty đến 29/04/2025/<br><i>Deputy General Director - Authorized information Disclosure Officer - Corporate governance Officer until 29/4/2025</i> |  |  |  |  | 15/11/2021 | 29/04/2025 | Miễn nhiệm/Dismissal       | Người nội bộ của Công ty đến ngày 29/4/2025/<br><i>Internal person until 29/04/2025</i> |
| 11. | Bà/Ms. Nguyễn Thị Nga   |  | Kế toán trưởng/ <i>Chief accountant</i>                                                                                                                                                                                     |  |  |  |  | 15/11/2021 |            |                            | Người nội bộ của Công ty / <i>Internal person</i>                                       |
| 12. | Bà/Ms. Nguyễn Thị Quyên |  | Người được ủy quyền CBTT/<br><i>Authorized information</i>                                                                                                                                                                  |  |  |  |  | 29/04/2025 |            | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i> | Người nội bộ của Công ty / <i>Internal person</i>                                       |

|     |                                                                                                                         |  |                                                                                        |            |            |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                            |            |  |                                    |                                                             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                         |  | <i>Disclosure Officer</i>                                                              |            |            |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                            |            |  |                                    |                                                             |
| 13. | Bà/Ms.<br>Luu Thị<br>Phượng                                                                                             |  | Người phụ<br>trách quản trị<br>công ty/<br><i>Corporate<br/>governance<br/>Officer</i> |            |            |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                            | 29/04/2025 |  | Bổ<br>nhiệm/ <i>Ap<br/>pointed</i> | Người nội bộ<br>của Công ty /<br><i>Internal<br/>person</i> |
| 14. | Công ty Cổ<br>phần Tập<br>đoàn GELEX/<br><i>GELEX<br/>group., JSC</i>                                                   |  |                                                                                        | 0100100512 | 09/06/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội/ <i>Hanoi<br/>Department of<br/>Finance</i>                                    | Số 52, phố Lê<br>Đại Hành,<br>phường Lê Đại<br>Hành, quận<br>Hai Bà Trưng,<br>Hà Nội/ <i>No. 52<br/>Le Dai Hanh<br/>Street, Le Dai<br/>Hanh Ward,<br/>Hai Ba Trung<br/>District, Hanoi</i> |            |  |                                    | Công ty mẹ/<br><i>Mother<br/>company</i>                    |
| 15. | Công ty Cổ<br>phần Dây cáp<br>điện Việt<br>Nam/<br><i>Vietnam<br/>Electric<br/>Cable<br/>Corporation<br/>("CADIVI")</i> |  |                                                                                        | 0300381564 | 03/05/2024 | Sở KH&ĐT<br>TP Hồ Chí<br>Minh/<br><i>Department of<br/>Planning and<br/>Investment of<br/>Ho Chi Minh<br/>City</i> | Số 70 – 72<br>Nam Kỳ Khởi<br>Nghĩa, quận 1,<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh/ <i>70 -<br/>72 Nam Ky<br/>Khoi Nghia<br/>Street, District<br/>1, Ho Chi<br/>Minh City</i>                         |            |  |                                    | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                           |
| 16. | Công ty Cổ<br>phần Chế tạo<br>Điện cơ Hà<br>Nội/ <i>Hanoi<br/>Electromecha</i>                                          |  |                                                                                        | 0100100456 | 06/05/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội/ <i>Hanoi<br/>Department of<br/>Finance</i>                                    | Km 12, đường<br>Cầu Diễn,<br>phường Phúc<br>Diễn, quận Bắc<br>Từ Liêm, TP                                                                                                                  |            |  |                                    | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                           |



|     |                                                                                                                               |  |  |            |            |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                     |  |  |  |                                   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     | <i>nical<br/>Manufacturin<br/>g JSC.<br/>("HEM")</i>                                                                          |  |  |            |            |                                                                                                                 | Hà / Km 12,<br>Cau Dien road,<br>Phuc Dien<br>ward, Bac Tu<br>Liem district,<br>Hanoi city                                                                                                          |  |  |  |                                   |
| 17. | Công ty Cổ<br>phần Thiết bị<br>Điện /<br><i>Electrical<br/>Equipment<br/>JSC.<br/>("THIBIDI")</i>                             |  |  | 3600253826 | 04/01/2024 | Sở KH&ĐT<br>tỉnh Đồng Nai/<br><i>Department of<br/>Planning and<br/>Investment of<br/>Dong Nai<br/>Province</i> | Đường số 9,<br>Khu công<br>nghiệp Biên<br>Hoà 1, thành<br>phố Biên Hoà,<br>tỉnh Bình /<br><i>Road No. 9,<br/>Bien Hoa 1<br/>Industrial<br/>Park, Bien Hoa<br/>City, Binh<br/>Duong<br/>Province</i> |  |  |  | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i> |
| 18. | Công ty Cổ<br>phần Thiết bị<br>Đo điện<br>EMIC/ <i>EMIC<br/>Electrical<br/>Measuring<br/>Instrument<br/>JSC.<br/>("EMIC")</i> |  |  | 0108453005 | 03/01/2025 | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội/<br><i>Department of<br/>Planning and<br/>Investment of<br/>Hanoi City</i>                | Số 52 Lê Đại<br>Hành, phường<br>Lê Đại Hành,<br>quận Hai Bà<br>Trung, thành<br>phố Hà Nội/<br><i>No. 52 Le Dai<br/>Hanh Street,<br/>Le Dai Hanh<br/>Ward, Hai Ba<br/>Trung District,<br/>Hanoi</i>  |  |  |  | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i> |
| 19. | Công ty Dây<br>đồng Việt<br>nam CFT/.                                                                                         |  |  | 3600241669 | 22/03/2024 | Sở KH&ĐT<br>Tỉnh Đồng<br>Nai/                                                                                   | Đường D3-3,<br>Khu công<br>nghiệp Long                                                                                                                                                              |  |  |  | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i> |

|     |                                                                                                   |  |  |            |            |                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                      |  |  |  |                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|------------------------------------|
|     | <i>CFT Vina<br/>Copper Co.,<br/>Ltd("CFT")</i>                                                    |  |  |            |            | <i>Department of<br/>Planning and<br/>Investment of<br/>Dong Nai<br/>Province</i>                      | <i>Đức, xã Long<br/>Đức, huyện<br/>Long Thành,<br/>tỉnh Đồng /<br/>Road D3-3,<br/>Long Duc<br/>Industrial<br/>Park, Long<br/>Duc Commune,<br/>Long Thanh<br/>District, Dong<br/>Nai Province</i>                     |  |  |  |                                    |
| 20. | <i>Công ty<br/>TNHH Phát<br/>điện Gelex/<br/>GELEX<br/>Power<br/>Generation<br/>Co., Ltd.</i>     |  |  | 0107919237 | 13/01/2022 | <i>Sở KH&amp;ĐT<br/>TP Hà Nội/<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment of<br/>Hanoi City</i> | <i>Số 52, phố Lê<br/>Đại Hành,<br/>phường Lê Đại<br/>Hành, Quận<br/>Hai Bà Trưng,<br/>Tp Hà Nội,<br/>Việt Nam/ No.<br/>52 Le Dai<br/>Hanh Street,<br/>Le Dai Hanh<br/>Ward, Hai Ba<br/>Trung District,<br/>Hanoi</i> |  |  |  | <i>Công ty con/<br/>Subsidiary</i> |
| 21. | <i>Công ty Cổ<br/>phần Mua<br/>bán điện<br/>Gelex/<br/>GELEX<br/>Electricity<br/>Trading JSC.</i> |  |  | 0109975082 | 14/03/2025 | <i>Sở Tài Chính<br/>Thành phố Hà<br/>Nội/ Hanoi<br/>Department of<br/>Finance</i>                      | <i>Số 52, phố Lê<br/>Đại Hành,<br/>phường Lê Đại<br/>Hành, Quận<br/>Hai Bà Trưng,<br/>Tp Hà Nội,<br/>Việt / No. 52<br/>Le Dai Hanh<br/>Street, Le Dai</i>                                                            |  |  |  | <i>Công ty con/<br/>Subsidiary</i> |



|     |                                                                                                                                     |  |  |            |            |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                     |  |  |            |            |                                                                                                         | Hanh Ward,<br>Hai Ba Trung<br>District, Hanoi                                                                                                                                                                                |  |  |  |                                                     |
| 22. | Công ty Cổ<br>phần Sản<br>xuất Máy<br>biến áp<br>truyền tải<br>MEE/MEE<br>Power<br>Transformer<br>Manufacturin<br>g JSC.<br>("MEE") |  |  | 0106061404 | 02/01/2024 | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City                  | Số 69, tổ 15,<br>thị trấn Đông<br>Anh, huyện<br>Đông Anh,<br>thành phố Hà /<br>No. 69, Group<br>15, Dong Anh<br>Town, Dong<br>Anh District,<br>Hanoi City                                                                    |  |  |  | Công ty con/<br>Subsidiary                          |
| 23. | Công ty<br>TNHH Một<br>thành viên<br>Cadivi Đồng<br>Nai / CADIVI<br>Dong Nai One<br>Member Co.,<br>Ltd ("Cadivi<br>Đồng Nai")       |  |  | 3603058326 | 03/01/2024 | Sở KH&ĐT<br>Tỉnh Đồng<br>Nai/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Dong Nai<br>Province | Đường số 1,<br>Khu công<br>nghiệp Long<br>Thành, xã Tam<br>An, huyện<br>Long Thành,<br>tỉnh Đồng Nai/<br>Road No. 1,<br>Long Thanh<br>Industrial<br>Park, Tam An<br>Commune,<br>Long Thanh<br>District, Dong<br>Nai Province |  |  |  | Công ty con<br>gián tiếp/<br>Indirect<br>subsidiary |
| 24. | Công ty<br>TNHH Một<br>thành viên<br>Cadivi Miền<br>Bắc/ CADIVI                                                                     |  |  | 2301270370 | 19/06/2024 | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and                                                 | Lô D 1 -3 Khu<br>Công nghiệp<br>Đại Đồng, xã<br>Hoàn Sơn,<br>huyện Tiên Du,                                                                                                                                                  |  |  |  | Công ty con<br>gián tiếp/<br>Indirect<br>subsidiary |

|     |                                                                                            |  |  |            |            |                                                                                           |                                                                                                                                                                    |  |  |  |                                                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------------------------------------------------|
|     | <i>Mien Bac One Member Co., Ltd. ("Cadivi Miền Bắc")</i>                                   |  |  |            |            | <i>Investment of Hanoi City</i>                                                           | <i>tỉnh Bắc / Lot D 1-3 Dai Dong Industrial Park, Hoan Son Commune, Tien Du District, Bac Ninh Province</i>                                                        |  |  |  |                                                   |
| 25. | <i>Công ty Cổ phần Phú Thạnh / Phu Thanh My ., JSC</i>                                     |  |  | 4000455251 | 06/01/2022 | <i>Sở KH&amp;ĐT Quảng Nam/ Department of Planning and Investment of Quangnam province</i> | <i>Tổ 9, Thôn Thanh Mỹ 2, Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng / Group 9, Thanh My 2 Village, Thanh My Town, Nam Giang District, Quang Nam Province</i>  |  |  |  | <i>Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary</i> |
| 24  | <i>Công ty Cổ phần Mua bán điện Gelex Hung Yên/ GELEX Hung Yen Electricity Trading JSC</i> |  |  | 0110199765 | 17/01/2025 | <i>Sở KH&amp;ĐT TP Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>        | <i>Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội, Việt // No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi</i> |  |  |  | <i>Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary</i> |



|    |                                                                                      |  |  |                   |            |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                |  |  |  |                                             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------------------------------------------|
| 25 | Công ty<br>TNHH<br>GELEX<br>Technology/<br>GELEX<br>Technology<br>Company<br>Limited |  |  | 0111088088        | 12/06/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội/ <i>Hanoi<br/>Department of<br/>Finance</i>     | Tầng 23, số 52<br>Lê Đại Hành,<br>phường Lê Đại<br>Hành, quận<br>Hai Bà Trưng,<br>TP.Hà Nội                                                                                                                    |  |  |  | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>           |
| 26 | Công đoàn<br>Công ty/<br><i>Union of the<br/>Company</i>                             |  |  | 82/QĐ-<br>CĐGELEX | 22/09/2022 | Công đoàn<br>CTCP Tập<br>đoàn GELEX/<br><i>Union of<br/>GELEX group<br/>Company</i> | Số 52, phố Lê<br>Đại Hành,<br>phường Lê Đại<br>Hành, Quận<br>Hai Bà Trưng,<br>Tp Hà Nội,<br>Việt Nam/ <i>No.<br/>52 Le Dai<br/>Hanh Street,<br/>Le Dai Hanh<br/>Ward, Hai Ba<br/>Trung District,<br/>Hanoi</i> |  |  |  | Người nội<br>bộ/ <i>internal<br/>person</i> |

**PHỤ LỤC/ANNEX 03:**

**Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/  
Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization /individual                 | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                                                                              | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No. *, date of issue, place of issue                                                                                    | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                                      | Thời điểm giao dịch với công ty<br>Time of transactions with the Company | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)                                                                                                                                                                                 | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch<br>Content, quantity, total value of transaction (đồng/VND)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú<br>/ Notes |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1          | Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX (GELEX)/ GELEX Group Joint Stock Company | Công ty mẹ, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/ Parent company, Related party of the member of Board of Directors ("BOD"), CEO | 0100100512<br>Cấp ngày 09/06/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính Hà Nội/<br>Business Registration No. 0100100512, issued on 09/06/2025, by Hanoi Department of Finance | Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam/<br>No. 52, Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025                          | - NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024/<br>Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024.<br>-NQ số 09/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 19/02/2024/<br>Resolution No. 09/2024/GE/NQ-HĐQT dated 19/02/2024<br>- NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024<br>Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024<br>- NQ số 18/2025/NQ-HĐQT ngày 10/04/2025<br>Resolution No. 18/2025/NQ-HĐQT dated 10/04/2025 | <div>GEE Mua hàng hóa và dịch vụ/ GEE's Purchase of goods and services 725.677.740</div> <div>GEE trả trước tiền thuê văn phòng/ GEE's prepayment of office rental 655.390.080</div> <div>Cổ tức công bố/ Dividends declared 479.991.200.000</div> <div>GEE Đi vay/GEE's drawdown of borrowing 100.000.000.000</div> <div>Lãi GEE đi vay/Interest expense by GEE on loans 4.146.575.342</div> <div>GEE trả gốc vay/GEE's loan principal repayments 290.000.000.000</div> <div>Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/ Collection and payment for software services on behalf of others 808.913.075</div> |                    |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
|--|--|--|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  |  |  | <p>GEE cầm cố/thể chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của GEE/ <i>GEE pledges/mortgages assets to secure GELEX's obligations.</i></p> <p>GELEX bảo lãnh cho số dư hạn mức tín dụng của GEE/ <i>GELEX guaranteed the balance under the credit contracts of GEE</i></p> <p>GELEX bảo lãnh và cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của GEE/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations under the share purchase agreement of GEE</i></p> <p>GELEX bảo đảm và GELEX cùng GELEX Hạ tầng cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của mình cho khoản vay dài hạn của GEE/ <i>GELEX guarantees and GELEX and GELEX Infrastructure pledge their shares for GEE's long-term loan</i></p> | <p>Số dư tài sản cầm cố/thể chấp tại 30/06/2025<br/>Acceptable collateral/replace ment balance as at 06/30/2025:<br/>22.200.000 CAV<br/>18.000.000 THI</p> <p>Số dư nghĩa vụ tại/ Obligation balance as at 30/06/2025:<br/>VND<br/>42.211.904.802<br/>3.180.000 cổ phần GELEX Hạ tầng/ <i>shares of GELEX Infrastructure JSC</i></p> <p>Số dư nghĩa vụ tại/ Obligation balance as at 30/06/2025:<br/>VND<br/>1.067.269.600<br/>Number of pledged shares as at 30/6/2025<br/>45.000.000 GEE &amp; 30.000.000 VGC</p> |  |
|--|--|--|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|



|   |                                                                                           |                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                              |                                                     |                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                        |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 2 | Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (GEI)/ <i>GELEX Infrastructure JSC.</i>                     | Cùng Tập đoàn, bên có liên quan của thành viên HĐQT/ <i>affiliate, Related party of the Board of Directors.</i>                                                     | 0107652657 ngày cấp 13/01/2023, Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Business Registration No. 0107652657, issued on 13/01/2023, by Hanoi Department of Planning and Investment</i>             | Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam/ <i>No. 52, Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam</i> | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | - NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024<br><i>Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024</i>                                                                                                           | GEE Đi vay/ <i>GEE's drawdown of borrowing</i><br><br>Lãi GEE đi vay/ <i>Interest expense by GEE on loans</i><br><br>GEE trả gốc vay/ <i>GEE's loan principal repayments</i><br><br>GELEX Hạ tầng cầm cổ phần thuộc sở hữu của mình cho khoản vay dài hạn của GEE/ <i>GELEX Infrastructure pledges its shares for GEE's long-term loan</i> | 200.000.000.000<br><br>4.589.178.082<br><br>200.000.000.000<br><br>Số dư nghĩa vụ tại/ <i>Obligation balance as at 30/06/2025: VND 1.067.269.600.000</i><br>Number of pledged shares as at 30/6/2025<br>30.000.000 VGC |  |
| 3 | Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)/ <i>Vietnam Electric Cable Corporation</i> | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, Kế toán trưởng, / <i>Subsidiary, Related party of the member of BOD, the member of Board of Supervisors</i> | 0300381564, cấp ngày 03/05/2024, nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh/ <i>Business Registration No. 0300381564, issued on 03/05/2024, by Ho Chi Minh Department of Planning and Investment</i> | 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ <i>70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, HoChiMinh city, Vietnam</i>           | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | - NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024<br><i>Resolution No.02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024</i><br>- NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024<br><i>Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024</i> | Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/ <i>Collection and payment for software services on behalf of others</i><br><br>Cổ tức GEE nhận được/ <i>Dividends received by GEE</i>                                                                                                                                                                     | 210.317.400<br><br>558.179.050.000                                                                                                                                                                                     |  |

|   |                                                                        |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                              |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                   |
|---|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                        | (BOS),<br>Chief<br>accountant,                                                                                              |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                              |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                   |
| 4 | Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd. | Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary;                                                                                 | 3603058326, cấp ngày 03/01/2024, nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai/ Business Registration No. 3603058326, issued on 03/01/2024, by Dong Nai Department of Planning and Investment | Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ Line 1, Long Thanh Industrial Zone, An Phuoc Commune, Dongnai, Vietnam                               | 6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025 | - NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024 Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024<br>- NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024 Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024                                                                                                | Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/ Collection and payment for software services on behalf of others                                                                                                                                                                                | 16.178.260                                                                        |
| 5 | Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ Electrical Equipment JSC (THIBIDI)      | Công ty con, bên có liên quan của TV.HĐQT, BKS, Kế toán trưởng/ Subsidiary, Related party of the BOD, BOS, Chief accountant | 3600253826, ngày cấp 04/01/2024, Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ Business Registration No. 3600253826, issued on 04/01/2024, by Dong Nai Department of Planning and Investment          | KCN Biên Hoà 1- Đường số 9- Phường Trần Biên- Tỉnh Đồng Nai- Việt Nam/ Bien Hoa 1 Industrial Zone, 9 <sup>th</sup> Street, Tran Bien Ward, Dong Nai, Vietnam | 6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025 | - NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024 Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024<br>-NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024 Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024<br>-NQ số 34/2025/GE/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025 Resolution No. 34/2025/GE/NQ-HĐQT dated 19/05/2025 | GEE bán hàng hóa/ GEE's revenue from sales of goods<br><br>Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/ Collection and payment for software services on behalf of others<br><br>Cổ tức GEE nhận được/Dividends received by GEE<br><br>Nhận chuyển nhượng Cổ phần/ Receive transfer of shares | 138.633.699.482<br><br>21.571.014<br><br>526.444.842.000<br><br>1.211.313.118.500 |



|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                              |                 |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|
| 6 | Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/<br><i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. (HEM)</i> | Công ty con, Bên có liên quan của Thành viên HĐQT, BKS /<br><i>Subsidiary, Related party of the member of BOD, BOS,</i> | 0100100456, ngày cấp 06/05/2025, nơi cấp: Sở Tài chính Hà Nội /<br><i>Business Registration No. 0100100456, issued on 06/05/2025, by Hanoi Department of Finance</i>              | Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội/<br><i>Km12, Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi city, Vietnam</i>              | 6 tháng đầu năm 2025/<br><i>The first half of 2025</i> | - NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024<br><i>Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024</i><br>- NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024<br><i>Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024</i> | Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm//<br><i>Collection and payment for software services on behalf of others</i> | 8.089.133       |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | Cổ tức GEE nhận được/<br><i>Dividends received by GEE</i>                                                    | 44.527.374.000  |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | GEE Đi vay/GEE's drawdown of borrowing                                                                       | 35.000.000.000  |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | GEE trả tiền vay/ GEE's repayment of loans                                                                   | 165.000.000.000 |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | Lãi GEE đi vay/<br><i>Interest expense by GEE on loans</i>                                                   | 3.116.438.357   |  |
| 7 | Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/<br><i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.</i>         | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT /<br><i>Subsidiary, Related party of the Board of Director, CEO.</i>  | 0108453005, ngày cấp 29/11/2023, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội/<br><i>Business Registration No. 0108453005, issued on 29/11/2023, by Hanoi Department of Planning and Investment</i> | Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam/<br><i>No. 52, Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam</i> | 6 tháng đầu năm 2025/<br><i>The first half of 2025</i> | - NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024<br><i>Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024</i><br>- NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024<br><i>Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024</i> | GEE bán hàng hóa/<br><i>GEE's revenue from sales of goods</i>                                                | 41.848.517.371  |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/<br><i>Collection and payment for software services on behalf of others</i>  | 218.917.234     |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | GEE Mua hàng hóa và dịch vụ/<br><i>GEE's Purchase of goods and services</i>                                  | 378.825.543.330 |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | GEE Đi vay/GEE's drawdown of borrowing                                                                       | 50.000.000.000  |  |
|   |                                                                                                    |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                    | GEE trả tiền vay/ GEE's repayment of loans                                                                   | 220.000.000.000 |  |



|   |                                                                 |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                         |                                                     |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
|---|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                 |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                         |                                                     |                                                                                                                                                                                                              | Lãi GEE đi vay/ <i>Interest expense by GEE on loans</i> 1.201.369.859<br><br>Cổ tức GEE nhận được/ <i>Dividends received by GEE</i> 101.236.500.000<br><br>GEE bảo lãnh cho khoản vay của EMIC/ <i>GEE guarantees loans for EMIC</i> Số dư tại 30/06/2025: VND 84.874.034.662/<br><i>Balance at 30/06/2025:</i> 84.874.034.662                                                                                                                                            |  |
| 8 | Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/ <i>CFT Vina Copper Co., Ltd.</i> | Công ty con, bên có liên quan của Thành viên BKS, Kế toán trưởng/ <i>subsidiary Related party of the member of BOS, Chief accountant</i> | 3600241669 cấp ngày 26/04/2025, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ <i>Business Registration No. 3600241669, issued on 26/04/2025, by Dong Nai Department of Planning and Investment</i> | Đường D3-3, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai/ <i>Long Duc Industrial Park: Road D3-3, Long Duc commune, Long Thanh District, Dongnai, Vietnam</i> | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | -NQ số 02/2024/GE/NQ-HDQT ngày 02/01/2024/ <i>Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HDQT dated 02/01/2024</i><br>- NQ số 69/2024/GE/NQ-HDQT ngày 30/12/2024 <i>Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HDQT dated 30/12/2024</i> | Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/ <i>Collection and payment for software services on behalf of others</i> 350.322.432<br><br>GEE thu hồi gốc cho vay/ <i>GEE's collection of loan principal</i> 200.000.000.00<br>0<br>Lãi GEE cho vay/ <i>Interest earned by GEE from lending</i> 245.575.342<br><br>GEE bảo lãnh cho khoản vay của CFT/ <i>GEE guarantees loans for CFT</i> Số dư tại 30/06/2025: VND 238.337.988.613 /<br><i>Balance at 30/06/2025:</i> 238.337.988.613 |  |

|    |                                                                                               |                          |                                                                                                                                                                          |                                                                                                            |                                              |                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 9  | Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC. | Công ty con/ subsidiary  | 0106061404, ngày cấp 02/01/2024, nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Business Registration No. 0106061404, issued on 02/01/2024, by Hanoi Department of Planning and Investment | Số 69, tổ 15, xã Phúc Thịnh, Thành phố Hà Nội/ No. 69, Group 15, Phuc Thinh Dong Anh Commune, Hanoi City   | 6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025 | -NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024 Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024<br>-NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024 Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024  | GEE bán hàng hóa/ GEE's revenue from sales of goods 66.852.286.827<br>Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/Collection and payment for software services on behalf of others 10.785.507<br>GEE bảo lãnh cho khoản vay của MEE/ GEE guarantees loans for MEE<br>Số dư tại 30/06/2025: VND. 129.394.870.344/<br>Balance at 30/06/2025: 129.394.870.344 |  |
| 10 | Công ty TNHH Phát điện GELEX/ GELEX Power Generation Co., Ltd                                 | Công ty con, /Subsidiary | 0107919237, ngày cấp 13/01/2022, nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Business Registration No. 0107919237, issued on 13/01/2022, by Hanoi Department of Planning and Investment | Số 52 phố Lê Đại Hành. phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi | 6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025 | -NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024 Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024<br>-NQ số 69/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024/ Resolution No. 69/2024/GE/NQ-HĐQT dated 30/12/2024 | Lợi nhuận GEE nhận được/Dividends received by GEE 38.437.286.450<br>Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/Collection and payment for software services on behalf of others 2.696.380                                                                                                                                                                 |  |
| 11 | Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX / GELEX Electricity Trading                                | Công ty con/ subsidiary  | 0109975082, ngày cấp: 18/01/2024, nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Business Registration No. 0109975082,                                                                     | Số 52 phố Lê Đại Hành. phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh                                  | 6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025 | - NQ số 02/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024/ Resolution No. 02/2024/GE/NQ-HĐQT dated 02/01/2024<br>-NQ số 52/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 09/10/2024/ Resolution No.                                   | Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm/ Collection and payment for software services on behalf of others 2.696.380<br>GEE bảo lãnh cho khoản vay của GETC/ Số dư tại 30/06/2025:                                                                                                                                                                      |  |

|    |                                                                                                    |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                          |                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                              |                                                                |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|
|    | JSC.<br>(GETC)                                                                                     |                                                                                                            | issued on<br>22/04/2022, by<br>Hanoi<br>Department of<br>Planning and<br>Investment                                                                                                                                                    | Street, Hai<br>Ba Trung<br>Ward, Hanoi                                                                                                                                                                                                               |                                                          | 52/2024/GE/NQ-HĐQT<br>dated 09/10/2024<br>-NQ số 69/2024/GE/NQ-<br>HĐQT ngày 30/12/2024/<br>Resolution No.<br>69/2024/GE/NQ-HĐQT<br>dated 30/12/2024                                                                      | GEE guarantees loans<br>for                                                                                  | 30.724.628.989 /<br>Balance at<br>30/06/2025<br>30.724.628.989 |  |
| 12 | Công ty<br>TNHH<br>MTV<br>CADIVI<br>Miền Bắc/<br>CADIVI<br>Mien Bac<br>One<br>Member<br>Co., Ltd.  | Công ty<br>con gián<br>tiếp/<br>Indirect<br>subsidiary                                                     | 2301270370,<br>cấp ngày<br>19/06/2024, nơi<br>cấp: Sở kế hoạch<br>và Đầu tư tỉnh<br>Bắc Ninh/<br>Business<br>Registration No.<br>2301270370,<br>issued on<br>19/06/2024, by<br>Bac Ninh<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Lô D 1-3<br>Khu công<br>nghiệp Đại<br>Đồng, Xã<br>Hoàn Sơn,<br>Huyện Tiên<br>Du, Tỉnh<br>Bắc Ninh,<br>Việt Nam/<br>Lot D 1-3,<br>Dai Dong<br>Industrial<br>Park, Hoan<br>Son<br>Commune,<br>Tien Du<br>District, Bac<br>Ninh<br>Province,<br>Vietnam | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first<br>half of<br>2025 | - NQ số 02/2024/GE/NQ-<br>HĐQT ngày 02/01/2024/<br>Resolution No.<br>02/2024/GE/NQ-HĐQT<br>dated 02/01/2024<br>-NQ số 69/2024/GE/NQ-<br>HĐQT ngày 30/12/2024/<br>Resolution No.<br>69/2024/GE/NQ-HĐQT<br>dated 30/12/2024 | Thu hộ, chi hộ chi phí<br>phần mềm/Collection<br>and payment for<br>software services on<br>behalf of others | 8.089.133                                                      |  |
| 13 | Công ty<br>TNHH<br>Gelex<br>Technology<br>("GTECH")<br>/ GELEX<br>Technology<br>Company<br>Limited | Công ty<br>con kê từ<br>ngày<br>12/06/2025/<br>Subsidiary<br>from June<br>12, 2025<br>Bên liên<br>quan của | 0111088088,<br>cấp ngày<br>19/06/2025, nơi<br>cấp: Sở Tài<br>chính Hà Nội/<br>Business<br>Registration No.<br>0111088088,<br>issued on                                                                                                 | Tầng 23, Số<br>52 phố Lê<br>Đại Hành,<br>Phường Hai<br>Bà Trưng,<br>Thành phố<br>Hà Nội /<br>23 <sup>rd</sup> Floor,<br>No. 52, Le                                                                                                                   | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first<br>half of<br>2025 | - QĐ số 23/2025/GE/QĐ-<br>HĐQT ngày 08/05/2025/<br>Resolution No.<br>23/2025/GE/QĐ-HĐQT<br>dated 08/05/2025<br>-QĐ số 24/2025/GE/QĐ-<br>HĐQT ngày 08/05/2025/<br>Resolution No.                                           | Chi hộ chi phí /<br>Advance payment for<br>expenses                                                          | 2.042.007.397                                                  |  |



|    |                                                                                                                                                   |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                   |                                                          |                                                                                                      |                                       |                |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------|
|    |                                                                                                                                                   | thành viên<br>HĐQT,<br>Tổng Giám<br>đốc/<br>Related<br>party of the<br>Board of<br>Directors,<br>CEO | 19/06/2025, by<br>Hanoi<br>Department of<br>Finance                                                                                                                                                            | Dai Hanh<br>Street, Hai<br>Ba Trung<br>Ward, Hanoi<br>City,<br>Vietnam                                                            |                                                          | 24/2025/GE/QĐ-HĐQT<br>dated 08/05/2025                                                               |                                       |                |
| 14 | Công ty Cổ<br>phần Máy<br>tính –<br>Truyền<br>thông –<br>Điều khiển<br>3C/<br>Computer-<br>Communica-<br>tion-Control<br>3C<br>Incorporati-<br>on | Bên liên<br>quan của<br>thành viên<br>HĐQT/<br>Related<br>party of the<br>Board of<br>Director       | 0100231314<br>cấp ngày<br>17/09/1992;<br>nơi cấp: Sở<br>KH&ĐT TP.Hà<br>Nội/ Business<br>Registration No.<br>0100231314,<br>issued on<br>17/09/1992, by<br>Hanoi<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Số 149D<br>Yên Phụ,<br>Phường Tây<br>Hồ, TP Hà<br>Nội/<br>No. 149D<br>Yen Phu,<br>Tay Ho<br>Ward, Hanoi<br>City                   | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first<br>half of<br>2025 | - NQ số 18/2025/NQ-<br>HĐQT ngày 10/04/2025<br>Resolution No.<br>18/2025/NQ-HĐQT<br>dated 10/04/2025 | Cổ tức công bố/<br>Dividends declared | 30.000.000.000 |
| 15 | Công ty Cổ<br>phần<br>GVI/GVI<br>Joint Stock<br>Company                                                                                           | Bên liên<br>quan của<br>thành viên<br>HĐQT/Rel-<br>ated party<br>of the<br>Board of<br>Director      | 0109355628<br>cấp ngày<br>25/09/2020;<br>Nơi cấp: Sở<br>KH&ĐT TP.Hà<br>Nội/ Business<br>Registration No.<br>0109355628,<br>issued on<br>25/09/2020, by<br>Hanoi<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Số 19 phố<br>Đinh Núp,<br>Phường Yên<br>Hòa, Thành<br>phố Hà Nội/<br>No. 19 Dinh<br>Nup Street,<br>Yen Hoa<br>Ward,<br>Hanoi City | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first<br>half of<br>2025 | - NQ số 18/2025/NQ-<br>HĐQT ngày 10/04/2025<br>Resolution No.<br>18/2025/NQ-HĐQT<br>dated 10/04/2025 | Cổ tức công bố/<br>Dividends declared | 15.000.000.000 |

|    |                                                                              |                                                             |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                            |             |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
| 16 | Công ty<br>Liên doanh<br>S.A.S-<br>CTAMAD/<br>S.A.S.-<br>CTAMAD<br>Co., Ltd. | Công ty<br>liên kết<br>gián tiếp/<br>Indirect<br>associates | 1018/GP<br>cấp ngày<br>25/10/1994,<br>nơi cấp: Bộ<br>KH&ĐT/<br>License No.<br>1018/GP issued<br>on 25/10/1994,<br>by the Ministry<br>of Planning and<br>Investment | 44 B Lý<br>Thường<br>Kiệt, Quận<br>Hoàn Kiếm,<br>TP Hà Nội/<br>44B Ly<br>Thuong Kiet<br>street, Hoan<br>Kiem<br>District,<br>Hanoi | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first<br>half of<br>2025 | NQ số 02/2024/GE/NQ-<br>HĐQT ngày 02/01/2024<br>Resolution No.<br>02/2024/GE/NQ-HĐQT<br>dated 02/01/2024<br>NQ số 69/2024/GE/NQ-<br>HĐQT ngày 30/12/2024<br>Resolution No.<br>69/2024/GE/NQ-HĐQT<br>dated 30/12/2024 | GEE Mua hàng hóa và<br>dịch vụ/ GEE's<br>Purchase of goods and<br>services | 126.798.000 |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|--|

**PHỤ LỤC/ANNEX 04:**

**Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.***

| STT<br>No. | Người thực<br>hiện giao<br>dịch<br><i>Name of<br/>organization</i>                              | Quan hệ với<br>người nội bộ<br><i>Relationship<br/>with internal<br/>persons</i>                                                                                         | Chức<br>vụ tại<br>CTNY<br><i>Position</i> | Số CMND/<br>Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID/Passport<br/>number, date of<br/>issue, place of<br/>issue</i>                                                                              | Địa chỉ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                  | Tên công ty<br>con, công ty<br>do CTNY<br>nắm quyền<br>kiểm soát<br><i>The<br/>Company's<br/>subsidiaries<br/>in which the<br/>Company<br/>takes<br/>controlling<br/>power.</i> | Thời điểm<br>giao dịch<br><i>Time of<br/>transactions</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị<br>giao dịch<br><i>Content, quantity, total value of<br/>transaction</i><br><br>(đơn vị tính: VND) |                                                           | Ghi<br>chú<br><i>Notes</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1          | Công ty cổ<br>phần Tập<br>đoàn<br>GELEX<br>(GELEX)/<br>GELEX<br>Group Joint<br>Stock<br>Company | Công ty mẹ,<br>bên có liên<br>quan của<br>thành viên<br>HĐQT, Tổng<br>Giám đốc/<br>Parent<br>company,<br>Related party<br>of the Board<br>of Directors<br>(BODs),<br>CEO |                                           | 0100100512<br>Cấp ngày<br>09/06/2025;<br>Nơi cấp: Sở Tài<br>chính Hà Nội/<br>Business<br>Registration<br>No.<br>0100100512,<br>issued on<br>09/06/2025, by<br>Hanoi<br>Department of<br>Finance | Số 52, phố Lê<br>Đại Hành,<br>phường Hai<br>Bà Trưng, TP.<br>Hà Nội, Việt<br>Nam/<br><br>No. 52, Le<br>Dai Hanh<br>Street, Hai Ba<br>Trung Ward,<br>Hanoi City,<br>Vietnam | Công ty Cổ<br>phần Dây<br>Cáp Điện<br>Việt Nam<br>(CADIVI)/<br>Vietnam<br>Electric<br>Cable<br>Corporation                                                                      | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first half<br>of 2025     | Doanh thu GELEX<br>cung cấp dịch vụ/<br>GELEX's revenue<br>from rendering<br>services                                               | 756.000.000                                               |                            |
|            |                                                                                                 |                                                                                                                                                                          |                                           |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            | Công ty<br>TNHH MTV                                                                                                                                                             | 6 tháng đầu<br>năm 2025/                                  | GELEX bảo lãnh<br>cho khoản vay của                                                                                                 | 2.162.429.964<br><br>Số dư nợ vay tại<br>30/06/2025/ Loan |                            |



|  |  |  |  |  |  |                                                                                                   |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                             |
|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  |  | CADIVI<br>Đồng Nai/<br><i>CADIVI<br/>Dong Nai<br/>One Member<br/>Co., Ltd.</i>                    | The first half<br>of 2025                             | CADIVI/ <i>GELEX<br/>guarantees loans<br/>for CADIVI</i>                                                                                                                                                                                                                              | <i>balance as of<br/>30/06/2025: VND<br/>19.320.064.854</i> |
|  |  |  |  |  |  | Công ty<br>TNHH MTV<br>Cadivi Miền<br>Bắc/ <i>CADIVI<br/>Mien Bac<br/>One Member<br/>Co., Ltd</i> | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first half<br>of 2025 | GELEX cung cấp<br>dịch vụ/ <i>GELEX's<br/>revenue from<br/>redering services</i>                                                                                                                                                                                                      | 682.609.465                                                 |
|  |  |  |  |  |  | Công ty Cổ<br>phần Thiết bị<br>điện/<br><i>Electrical<br/>Equipment<br/>JSC<br/>(THIBIDI)</i>     | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first half<br>of 2025 | GELEX bán hàng<br>hóa, NVL, cung<br>cấp dịch vụ/<br><i>GELEX's Revenue<br/>from sales of<br/>goods, raw<br/>materials and<br/>services</i><br>THIBIDI Cho vay/<br><i>Lending activities</i><br><br>Lãi THIBIDI cho<br>vay/ <i>Interest<br/>earned by<br/>THIBIDI from<br/>lending</i> | 105.374.702.151<br><br>300.000.000.000<br><br>452.054.795   |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                         |                                                 |                                                                                                                             |                                  |
|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|  |  |  |  |  |  | Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải<br>MEE/ <i>MEE Power Transformer Manufacturing JSC.</i> | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | GELEX Doanh thu bán hàng hóa, NVL, cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's Revenue from sales of goods, raw materials and services</i> | 72.000.000                       |
|  |  |  |  |  |  | Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ <i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. (HEM)</i>         | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | Cho vay/ <i>Lending activities</i><br><br>Lãi HEM cho vay/ <i>Interest earned by HEM from lending</i>                       | 80.000.000.000<br><br>10.958.904 |
|  |  |  |  |  |  | Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện<br>EMIC/ <i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.</i>              | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | GELEX Doanh thu bán hàng hóa, NVL, cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's Revenue from sales of goods, raw materials and services</i> | 6.010.925.991                    |
|  |  |  |  |  |  | Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/<br><i>CFT Vina Copper Co., Ltd. (CFT)</i>                                | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | GELEX Doanh thu bán hàng hóa, NVL, cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's Revenue from sales of goods, raw</i>                        | 2.777.193.575.199                |

|  |  |  |  |  |  |                                                                         |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                      |  |
|--|--|--|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  |  |  |                                                                         |                                                 | <i>materials and services</i><br>Lãi GELEX bán hàng trả chậm/<br><i>GELEX's interest income from credit sales</i><br>Lãi cho vay/<br><i>Loan interest income</i><br>GELEX cho vay/<br><i>GELEX's lending activities</i><br>GELEX thu hồi gốc cho vay/<br><i>GELEX's loan principal collection</i><br>GELEX bảo lãnh cho khoản vay của CFT/ | 443.835.617<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>Số dư nợ vay tại 30/06/2025/<br>Loan balance as of 30/06/2025:<br>981.674.431.703 |  |
|  |  |  |  |  |  | Công ty TNHH Phát điện GELEX/<br><i>GELEX Power Generation Co., Ltd</i> | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Phát điện GELEX/<br><i>GELEX's revenue from providing services to GELEX Power Generation</i><br>GELEX trả gốc vay/<br><i>GELEX's repayment of loan principal</i>                                                                                                                                      | 606.672.040<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>371.600.000.000                                                                   |  |



|   |                                                                |                                                                   |  |                                                                                   |                                                       |                                                                                  |                                                     |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|---|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                |                                                                   |  |                                                                                   |                                                       |                                                                                  |                                                     | Lãi cho GELEX vay/ <i>Loan interest income</i>                                                                                                                                   | 3.848.101.369                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|   |                                                                |                                                                   |  |                                                                                   |                                                       |                                                                                  |                                                     | GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Phát điện GELEX/ <i>GELEX guarantees obligations under the share purchase agreement of GELEX Power Generation</i> | Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Phát điện GELEX và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ <i>Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Power Generation and the transferee party</i> |  |
|   |                                                                |                                                                   |  |                                                                                   |                                                       | Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ <i>GELEX Electricity Trading JSC. (GETC)</i> | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Mua bán điện/ <i>GELEX's revenue from redering services to GELEX Electricity Trading</i>                                                    | 639.072.040                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 2 | Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)/ <i>Vietnam</i> | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, |  | 0300381564, cấp ngày 03/05/2024, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh/ <i>Business</i> | 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ | Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai/ <i>CADIVI Dong Nai</i>                         | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | CADIVI Doanh thu bán hàng hóa, NVL, cung cấp dịch vụ/ <i>CADIVI's Revenue from sales of goods, raw</i>                                                                           | 115.448.013.582                                                                                                                                                                                                                                        |  |

|                            |                                                                                                           |                                                                                                         |                                                                       |                                                                                    |                                                 |                                                                                                                               |                                          |  |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--|
| Electric Cable Corporation | KTT/Subsidiary, Organization related to the member of BODs, Board of Supervisors (BOS),, Chief Accountant | Registration No. 0300381564, issued on 03/05/2024, by Ho Chi Minh Department of Planning and Investment | 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, HoChiMinh city, Vietnam | One Member Co., Ltd (**)                                                           |                                                 | materials and services<br>CADIVI Mua hàng hóa dịch vụ/<br>Cadivi's Purchase of goods and services<br>Trả lợi nhuận /Dividends | 4.656.287.274.436<br><br>350.000.000.000 |  |
|                            |                                                                                                           |                                                                                                         |                                                                       | Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd              | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | Doanh thu cung cấp dịch vụ/<br>Revenue from services                                                                          | 216.948.240                              |  |
|                            |                                                                                                           |                                                                                                         |                                                                       | Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | Cổ tức nhận được/<br>Received dividend/<br>Profit                                                                             | 171.292.500                              |  |
|                            |                                                                                                           |                                                                                                         |                                                                       | Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ GELEX Electricity Trading JSC. (GETC)          | 6 tháng đầu năm 2025/<br>The first half of 2025 | Doanh thu bán thành phẩm, NVL/<br>Revenue from sales of goods, raw materials                                                  | 21.968.000                               |  |

|   |                                                                                |                                                                                                                                                                      |  |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                   |                                                                                                         |                                                        |                                                                                                                                                                                    |                                  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 3 | Công ty Cổ phần Thiết bị điện/<br><i>Electrical Equipment JSC</i><br>(THIBIDI) | Công ty con, Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT, TGD, KTT, BKS/<br><i>Subsidiaries, Organization related to the member of BODs, BOS CEO, Chief accountant,</i> |  | 3600253826, ngày cấp 04/01/2024, Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/<br><i>Business Registration No. 3600253826, issued on 04/01/2024, by Dong Nai Department of Planning and Investment</i> | KCN Biên Hoà 1-Đường số 9-Phường Trần Biên-Tỉnh Đồng Nai-Việt Nam/<br><i>Bien Hoa 1 Industrial Zone, 9<sup>th</sup> Street, Tran Bien Ward, Dong Nai, Vietnam</i> | Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/<br><i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.</i>              | 6 tháng đầu năm 2025/<br><i>The first half of 2025</i> | Mua hàng hóa và dịch vụ/<br><i>Purchases of goods and services</i>                                                                                                                 | 6.984.192.115                    |
|   |                                                                                |                                                                                                                                                                      |  |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                   | Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE/<br><i>MEE Power Transformer Manufacturing JSC.</i> | 6 tháng đầu năm 2025/<br><i>The first half of 2025</i> | Bán hàng hóa và dịch vụ/<br><i>Sales of goods and services</i><br><br>Thu hộ, chi hộ chi phí phần mềm//<br><i>Collection and payment for software services on behalf of others</i> | 523.951.000<br><br>178.018.116   |
|   |                                                                                |                                                                                                                                                                      |  |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                   | Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/<br><i>CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>                                      | 6 tháng đầu năm 2025/<br><i>The first half of 2025</i> | Bán hàng hóa và dịch vụ/<br><i>Sales of goods and services</i><br><br>Mua hàng hóa và dịch vụ/<br><i>Purchases of goods and services</i>                                           | 73.313.189.319<br><br>19.272.000 |



|   |                                                                                                      |                                                                                                                                  |  |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                          |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                     |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 4 | Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE/ <i>MEE Power Transformer Manufacturing JSC.</i> | Công ty con, Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT, BKS/ <i>Subsidiaries, Organization related to the member of BODs, BOS</i> |  | 0106061404, ngày cấp 02/01/2024, Sở KH&ĐT Hà Nội/ <i>Business Registration No. 0106061404 issued on 02/01/2024, by Dong Nai Department of Planning and Investment</i> | Số 69, tổ 15, xã Phúc Thịnh, Thành phố Hà Nội/ <i>No. 69, Group 15, Phuc Thinh Dong Anh Commune, Hanoi City</i>                 | Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ <i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.</i>                  | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | Bán hàng hóa và dịch vụ/ <i>Sales of goods and services</i><br>Mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>Purchases of goods and services</i><br>Đi vay/ <i>Drawdown of borrowing</i><br>Trả tiền vay/ <i>Loan repayments</i><br>Lãi đi vay/ <i>Loan interest expenses</i> | 54.961.722.000<br>20.157.056.490<br>45.000.000.000<br>41.000.000.000<br>907.534.247 |  |
| 5 | Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ <i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. (HEM)</i>      | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, BKS/ <i>Subsidiary, Related party of the member of BODs, BOS</i>              |  | 0100100456, ngày cấp 06/05/2025, nơi cấp Sở Tài chính Hà Nội / <i>Business Registration No. 0100100456, issued on 06/05/2025, by Hanoi Department of Finance</i>      | Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội/ <i>Km12, Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi city, Vietnam</i> | Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ HEM (“HEM EMM”)/ <i>HEM Electromechanical Manufacturing Company JSC.</i> | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | Bán hàng hóa và dịch vụ/ <i>Sales of goods and services</i><br>Mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>Purchases of goods and services</i><br>Cho vay/ <i>Lending</i><br>Lãi cho vay/ <i>Loan interest income</i>                                                       | 17.862.234.390<br>2.435.864.411<br>20.000.000.000<br>60.273.973                     |  |
|   |                                                                                                      |                                                                                                                                  |  |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                 | Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ <i>Electrical Equipment JSC.</i>                                          | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | Bán hàng hóa và dịch vụ/ <i>Sales of goods and services</i>                                                                                                                                                                                                 | 108.000.000                                                                         |  |
| 7 | Công ty Cổ phần Thiết                                                                                | Công ty con, bên có liên                                                                                                         |  | 0108453005, ngày cấp                                                                                                                                                  | Số 52 Phố Lê Đại Hành,                                                                                                          | Công ty Cổ phần Thiết bị                                                                                 | 6 tháng đầu năm 2025/                               | Doanh thu bán hàng hóa cung cấp                                                                                                                                                                                                                             | 30.753.600                                                                          |  |

|   |                                                                              |                                                                                                |  |                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                |                                                                                                |                                                       |                                                                                                                             |                   |
|---|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|   | bị đo điện<br>EMIC/<br>EMIC<br>Electrical<br>Measuring<br>Instrument<br>JSC. | quan của<br>thành viên<br>HĐQT,<br>TGD/<br>Subsidiary,<br>Related party<br>of the BODs,<br>CEO |  | 29/11/2023, nơi<br>cấp Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội/<br>Business<br>Registration<br>No.<br>0108453005,<br>issued on<br>29/11/2023, by<br>Hanoi<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Phường Hai<br>Bà Trung, TP<br>Hà Nội, Việt<br>Nam/ No. 52<br>Le Dai Hanh<br>Street, Hai Ba<br>Trung Ward,<br>Hanoi,<br>Vietnam | Công nghiệp<br>GEIC/GEIC<br>Industry<br>Equipment<br>JSC.                                      | The first half<br>of 2025                             | dịch vụ/ Revenue<br>from sales of<br>goods and services<br>Mua hàng hóa và<br>dịch vụ/ Purchase<br>of goods and<br>services | 22.200.000        |
|   |                                                                              |                                                                                                |  |                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                | Công ty Cổ<br>phần Mua<br>bán điện<br>GELEX/<br>GELEX<br>Electricity<br>Trading JSC.<br>(GETC) | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first half<br>of 2025 | Doanh thu bán<br>hàng hóa cung, cấp<br>dịch vụ/ Revenue<br>from sales of<br>goods and services                              | 108.689.500       |
|   |                                                                              |                                                                                                |  |                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                | Công ty Cổ<br>phần Mua<br>bán điện<br>Hưng Yên/<br>Hung Yen<br>Electricity<br>Trading JSC      | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first half<br>of 2025 | Doanh thu bán<br>hàng hóa cung, cấp<br>dịch vụ/ Revenue<br>from sales of<br>goods and services                              | 34.630.750        |
| 8 | Công ty<br>Dây đồng<br>Việt Nam<br>CFT/ CFT<br>Vina<br>Copper Co.,<br>Ltd.   | Công ty con,<br>bên có liên<br>quan của<br>thành viên<br>HĐQT,<br>BKS, KTT/<br>Subsidiary,     |  | 3600241669<br>cấp ngày<br>22/03/2022, Sở<br>KH&ĐT Tỉnh<br>Đồng Nai/<br>Business<br>Registration                                                                                        | Đường D3-3,<br>KCN Long<br>Đức, Xã Long<br>Đức, Huyện<br>Long Thành,<br>Tỉnh Đồng<br>Nai, Việt                                 | Công ty<br>TNHH MTV<br>Cadivi Đồng<br>Nai/ CADIVI<br>Dong Nai<br>One Member<br>Co., Ltd (**)   | 6 tháng đầu<br>năm 2025/<br>The first half<br>of 2025 | Doanh thu bán<br>hàng hóa cung, cấp<br>dịch vụ/ Revenue<br>from sales of<br>goods and services                              | 1.667.103.512.791 |



|    |                                                               |                                                                     |  |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                      |                                                                              |                                                     |                                                                                            |                                   |  |
|----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|
|    |                                                               | <i>Related party of a member of the BODs, BOS, Chief Accountant</i> |  | <i>No. 3600241669, issued on 22/03/2022, by Dong Nai Department of Planning and Investment</i>                                                                  | <i>Nam/ D3-3 Street, Long Duc Industrial Park, Long Duc Commune, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam</i> | <i>Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd</i> | <i>6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025</i> | <i>Doanh thu bán hàng hóa cung, cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services</i>  | <i>401.972.149.463</i>            |  |
| 10 | Công ty TNHH Phát điện GELEX/ GELEX Power Generation Co., Ltd | Công ty con/ Subsidiary,                                            |  | 0107919237, ngày cấp 13/01/2022, Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Business Registration No. 0107919237, issued on 13/01/2022, by Hanoi Department of Planning and Investment | Số 52 phố Lê Đại Hành. phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi           | Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ/ Phu Thanh My Joint Stock Company               | 6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025        | Cổ tức nhận được/Dividends received                                                        | 38.437.286.450                    |  |
|    |                                                               |                                                                     |  |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                      | Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ GELEX Electricity Trading JSC. (GETC)    | 6 tháng đầu năm 2025/ The first half of 2025        | Phát điện cho vay/ Phat Dien's lending activities<br><br>Lãi cho vay/ Loan interest income | 30.000.000.000<br><br>505.808.218 |  |



|    |                                                                                  |                                                                                   |  |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                     |                                                                                                |                                  |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|
| 11 | Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ <i>GELEX Electricity Trading JSC. (GETC)</i> | Công ty con/ <i>subsidiary</i>                                                    |  | 0109975082, ngày cấp 18/01/2024, Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Business Registration No. 0109975082, issued on 22/04/2022, by Hanoi Department of Planning and Investment</i>          | Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i> | Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên/ <i>Hung Yen Electricity Trading JSC. (GETC)</i>    | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | Lãi cho vay/ <i>Loan interest income</i><br><br>GETC cho vay/ <i>GETC's lending activities</i> | 109.883.791<br><br>1.210.000.000 |  |
|    |                                                                                  |                                                                                   |  |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ <i>CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd</i>              | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | Mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>                                 | 1.014.652.886                    |  |
| 12 | Công ty Cổ phần GVI/GVI <i>Joint Stock Company</i>                               | Bên liên quan của thành viên HĐQT/ <i>Related party of the Board of Directors</i> |  | 0109355628 cấp ngày 25/09/2020; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Business Registration No. 0109355628, issued on 25/09/2020, by Hanoi Department of Planning and Investment</i> | Số 19 phố Đinh Núp, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội/ <i>No. 19 Dinh Nup Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City</i>     | Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)/ <i>Vietnam Electric Cable Corporation</i> | 6 tháng đầu năm 2025/ <i>The first half of 2025</i> | Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>                                    | 18.014.672.101                   |  |

**PHỤ LỤC/ANNEX 5: GIAO DỊCH GIỮA GELEX ELECTRIC (“GEE”) VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC/  
TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND OTHER OBJECTS**

1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors(BOS), General Director (CEO)) have been founding members or members of Board of Directors (BODs), or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):*

| STT/<br>No | Tên công ty/<br>Company's name                                                   | Mối quan hệ liên quan với Công ty/<br>Relationship with the Company                                                             | Nội dung giao dịch phát sinh trong kỳ/ Content of<br>transactions                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Công ty cổ phần Tập đoàn<br>GELEX (GELEX)/<br>GELEX Group Joint Stock<br>Company | Công ty mẹ, bên có liên quan của thành<br>viên HĐQT, Tổng Giám đốc/ Parent<br>company, Related party of members of<br>BODs, CEO | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE mua hàng hóa và dịch vụ từ GELEX/ GEE purchases goods and services from GELEX</li> <li>- GEE trả cổ tức cho GELEX/ GEE pays dividends to GELEX</li> <li>- GEE đi vay, trả gốc, lãi vay/ GEE borrows funds, repays principal, and pays loan interest</li> <li>- GEE thu, chi hộ chi phí phần mềm cho GELEX/ GEE collects and pays on behalf of GELEX</li> <li>- GELEX bảo lãnh cho món vay và hạn mức tín dụng của GEE/ GELEX guarantees loans and credit limits for GEE</li> <li>- GELEX đi vay, trả gốc, lãi vay/ GELEX borrows funds, repays principal, and pays loan interest</li> <li>- GELEX cầm cố cổ phiếu và thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của GEE/ GELEX pledges shares and mortgages assets to secure GEE's obligations</li> <li>- GEE cầm cố cổ phiếu và thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ GEE pledges shares and mortgages assets to secure GELEX's obligations</li> </ul> |
| 2          | Công ty Cổ phần Hạ tầng<br>GELEX/<br>GELEX Infrastructure JSC.                   | Cùng Tập đoàn, bên có liên quan của<br>thành viên HĐQT/affiliate, Related<br>party of member of BODs                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE đi vay, trả gốc, lãi vay/ GEE borrows funds, repays principal, and pays loan interest</li> <li>- Hạ tầng GELEX cầm cố/thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GEE/ GELEX Infrastructure pledged/mortgaged shares to secure GEE's obligations</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |



|   |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE nhận cổ tức từ Hạ tầng/ GEE received dividend from GELEX Infrastructure</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3 | Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)/<br><i>Vietnam Electric Cable Corporation</i>      | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng / <i>Subsidiary, Organization related to member of BODs, BOS, Chief Accountant</i>                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE nhận cổ tức từ CADIVI/<i>GEE receives dividends from CADIVI;</i></li> <li>- GEE thu hộ, chi hộ cho CADIVI/<i>GEE collects and pays on behalf of CADIVI</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4 | Công ty Cổ phần Thiết bị điện/<br><i>Electrical Equipment JSC (THIBIDI)</i>                       | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng / <i>Subsidiary, Organization related member of BODs, BOS, Chief Accountant</i>                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho THIBIDI/<i>GEE sells goods and rendering services to THIBIDI</i></li> <li>- GEE nhận cổ tức từ THIBIDI/<i>GEE receives dividends from THIBIDI;</i></li> <li>- GEE thu hộ, chi hộ cho THIBIDI/<i>GEE collects and pays on behalf of THIBIDI</i></li> <li>- GEE nhận chuyển nhượng cổ phần từ THIBIDI/ <i>GEE received the transfer of shares from THIBIDI</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                 |
| 5 | Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/<br><i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. HEM)</i> | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc / <i>Subsidiary, Organization related to member of BODs, BOS, Board of Executive Officers..</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE nhận cổ tức từ HEM/<i>GEE receives dividends from HEM;</i></li> <li>- GEE thu hộ, chi hộ cho HEM/<i>GEE collects and pays on behalf of HEM;</i></li> <li>- GEE đi vay, trả gốc, lãi vay/ <i>GEE borrows funds, repays principal, and pays loan interest</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6 | Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/<br><i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.</i>        | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc / <i>Subsidiary, Organization related to member of BOD, CEO</i>                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho EMIC/ <i>GEE sells goods and rendering services to EMIC</i></li> <li>- GEE mua hàng hóa từ EMIC/ <i>GEE purchases goods from EMIC</i></li> <li>- GEE nhận cổ tức từ EMIC/<i>GEE receives dividends from EMIC;</i></li> <li>- GEE thu hộ, chi hộ cho EMIC/<i>GEE collects and pays on behalf of EMIC</i></li> <li>- GEE đi vay, trả gốc, lãi vay/ <i>GEE borrows funds, repays principal, and pays loan interest</i></li> <li>- GEE bảo lãnh cho món vay và hạn mức tín dụng của EMIC/ <i>GEE guarantees loans and credit limits for EMIC</i></li> </ul> |
| 7 | Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/<br><i>CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>                                | Công ty con, bên có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng/ <i>Subsidiary, Organization related to member of</i>                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- GEE thu hộ, chi hộ cho CFT/<i>GEE collects and pays on behalf of CFT</i></li> <li>- GEE thu hồi gốc, lãi vay/ <i>GEE collects principal, and collects loan interest</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |



|    |                                                                                                                    |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                    | <i>Board of Executive Officers member, Board of Supervisors, Chief Accountant</i>                                                                   | - GEE bảo lãnh cho món vay và hạn mức tín dụng của CFT/<br><i>GEE guarantees loans and credit limits for CFT</i>                                                                                                                                                   |
| 8  | Công ty TNHH Phát điện GELEX/<br><i>GELEX Power Generation Co., Ltd</i>                                            | Công ty con, bên có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc/<br><i>Subsidiary, Organization related to member of Board of Executive Officers</i> | - GEE thu hộ, chi hộ cho Phát Điện/<br><i>GEE collects and pays on behalf of Phat dien GELEX</i><br>- GEE nhận lợi nhuận từ Phát điện/<br><i>GEE receives profit after tax from Phat dien GELEX;</i>                                                               |
| 9  | Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE/<br><i>MEE Power Transformer Manufacturing JSC.</i>            | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát/<br><i>Subsidiary, Organization related to the BODs Member, BOS</i>                | - GEE bán hàng hóa cho MEE/<br><i>GEE sells goods to MEE</i><br>- GEE thu hộ, chi hộ cho MEE/<br><i>GEE collects and pays on behalf of MEE</i><br>- GEE bảo lãnh cho món vay và hạn mức tín dụng của MEE/<br><i>GEE guarantees loans and credit limits for MEE</i> |
| 10 | Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/<br><i>GELEX Electricity Trading JSC. (GETC)</i>                                | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                                                   | - GEE thu hộ, chi hộ cho GETC/<br><i>GEE collects and pays on behalf of GETC</i><br>- GEE bảo lãnh cho món vay và hạn mức tín dụng của GETC/<br><i>GEE guarantees loans and credit limits for GETC</i>                                                             |
| 11 | Công ty TNHH GELEX Technology/<br><i>GELEX Technology JSC. (GTECH)</i>                                             | Công ty con, bên có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/<br><i>Subsidiary, Organization related to member of BODs, CEO</i>                 | - GEE chi hộ cho GTECH/<br><i>GEE pays on behalf of GTECH</i>                                                                                                                                                                                                      |
| 12 | Công ty Cổ phần Máy tính – Truyền thông – Điều khiển 3C/<br><i>Computer-Communication-Control 3C Incorporation</i> | Bên liên quan của thành viên HĐQT/<br><i>Related party of the member of BODs</i>                                                                    | - GEE trả cổ tức cho 3C/<br><i>GEE pays dividends to 3C</i>                                                                                                                                                                                                        |
| 13 | Công ty Cổ phần GVI/GVI Joint Stock Company                                                                        | Bên liên quan của thành viên HĐQT/<br><i>Related party of BODs</i>                                                                                  | - GEE trả cổ tức cho GVI/<br><i>GEE pays dividends to GVI</i>                                                                                                                                                                                                      |

2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/  
*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có/ Nil*

3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/  
*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/nil*

PHỤ LỤC/ANNEX: 06

**Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
*/The list of internal persons and their affiliated persons*

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position at<br>the<br>Company<br>(if any) | Số CCCD/Hộ chiếu/ GCNDN<br>ID card/Passport/ Business registration<br>certificate |                               |                           | Địa chỉ liên hệ/ Address | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ/<br>Number<br>of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/ End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Ghi chú/<br>Notes                                                                                                                                    |
|------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                    |                                                                                                   |                                                                                 | Số/No                                                                             | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue |                          |                                                                                                              |                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1          | Nguyễn Văn<br>Tuấn |                                                                                                   | Chủ tịch<br>HĐQT đến<br>ngày<br>25/03/2025/<br>Chairman<br>until<br>25/03/2025  |                                                                                   |                               |                           |                          | 720.000                                                                                                      | 0,2%                                                                                    | Không<br>còn là<br>người nội<br>bộ từ<br>ngày<br>25/03/2025<br>/ Mr<br>Tuấn is<br>no longer<br>an<br>internal<br>person<br>from<br>March<br>25, 2025 |
| 1.1        | Đào Thị Lơ         |                                                                                                   |                                                                                 |                                                                                   |                               |                           |                          | 0                                                                                                            | 0,00%                                                                                   |                                                                                                                                                      |
| 1.2        | Dương Quang<br>Sơn |                                                                                                   |                                                                                 |                                                                                   |                               |                           |                          | 240.000                                                                                                      | 0,07%                                                                                   |                                                                                                                                                      |





|      |                                                                                     |  |  |            |            |                                     |                                                                                                                      |                 |        |                                                                                                                                                                                                          |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.12 | Nguyễn Thị<br>Tuyết                                                                 |  |  |            |            |                                     |                                                                                                                      | 0               | 0,00%  |                                                                                                                                                                                                          |
| 1.13 | Đặng Duy Hải                                                                        |  |  |            |            |                                     |                                                                                                                      | 0               | 0,00%  |                                                                                                                                                                                                          |
| 1.14 | Công ty Cổ phần<br>Tập đoàn<br>GELEX/<br><i>GELEX group.,<br/>JSC</i>               |  |  | 0100100512 | 09/06/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội | Số 52 Phố Lê Đại Hành,<br>phường Lê Đại Hành, quận Hai<br>Bà Trưng, TP Hà Nội                                        | 287.994<br>.720 | 78,69% |                                                                                                                                                                                                          |
| 1.15 | Tổng công ty<br>Viglacera –<br>CTCP/<br><i>Viglacera<br/>Corporation –<br/>JSC</i>  |  |  | 0100108173 | 23/9/2022  | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội               | Tầng 16&17 tòa nhà<br>Viglacera, số 1, Đại lộ<br>Thăng Long, phường Mễ<br>Trì, quận Nam Từ Liêm,<br>thành phố Hà Nội | 0               | 0,00%  | Ông<br>Nguyễn<br>Văn Tuấn<br>không<br>còn là<br>TV.HĐQT<br>của VGC<br>từ ngày<br>10/6/2025<br>/ <i>Mr Tuấn<br/>is no<br/>longer<br/>the<br/>member<br/>of BODs<br/>of VGC<br/>from June<br/>10, 2025</i> |
| 1.16 | Công ty TNHH<br>MTV Đầu Tư<br>GEX/<br><i>GEX Investment<br/>Company<br/>Limited</i> |  |  | 4601290653 | 28/04/2016 | Sở KH&ĐT<br>tỉnh Thái<br>Nguyên     | Tổ 4, thị trấn Chùa Hang,<br>Đồng Hỷ, Thái Nguyên                                                                    | 0               | 0%     |                                                                                                                                                                                                          |

|     |                     |  |                                                                        |         |  |  |  |         |       |                                            |
|-----|---------------------|--|------------------------------------------------------------------------|---------|--|--|--|---------|-------|--------------------------------------------|
| 2   | Lê Bá Thọ           |  | Chủ tịch<br>HĐQT/<br><i>Chairman<br/>of Board<br/>of<br/>Directors</i> |         |  |  |  | 720.000 | 0,2%  |                                            |
| 2.1 | Lê Bá Tọa           |  |                                                                        |         |  |  |  |         |       | Đã mất                                     |
| 2.2 | Lê Thị Vinh         |  |                                                                        |         |  |  |  | 0       | 0,00% |                                            |
| 2.3 | Bùi Lợi             |  |                                                                        |         |  |  |  | 0       | 0,00% |                                            |
| 2.4 | Lê Thị Hoa          |  |                                                                        |         |  |  |  | 0       | 0,00% |                                            |
| 2.5 | Bùi Thị Tường<br>Vy |  |                                                                        |         |  |  |  | 0       | 0,00% |                                            |
| 2.6 | Lê Bá Khang         |  |                                                                        |         |  |  |  | 0       | 0,00% | Không có<br>CCCD/<br><i>No ID<br/>card</i> |
| 2.7 | Lê Gia An           |  |                                                                        | Còn nhỏ |  |  |  | 0       | 0,00% | Không có<br>CCCD/<br><i>No ID<br/>card</i> |
| 2.8 | Lê Bá Phúc          |  |                                                                        | Còn nhỏ |  |  |  | 0       | 0,00% | Không có<br>CCCD/                          |

|      |                                  |  |  |            |            |                       |                                                                                        |   |       |                       |
|------|----------------------------------|--|--|------------|------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------|
|      |                                  |  |  |            |            |                       |                                                                                        |   |       | <i>No ID<br/>card</i> |
| 2.9  | Lê Thị Dự                        |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.10 | Lê Thị Dung                      |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.11 | Lê Thị Thu                       |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.12 | Lê Thị Hồng                      |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.13 | Đỗ Đăng Hùng                     |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.14 | Nguyễn Bá<br>Cường               |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.15 | Bùi Văn Huy                      |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.16 | Bùi Thị Nga                      |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.17 | Bùi Thị Vân                      |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.18 | Bùi Thị Thảo<br>Phương           |  |  |            |            |                       |                                                                                        | 0 | 0,00% |                       |
| 2.19 | Công ty Cổ phần<br>Hạ tầng GELEX |  |  | 0107652657 | 13/01/2023 | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội | Tòa nhà GELEX, Số 52<br>phố Lê Đại Hành, P, Lê<br>Đại Hành, Q, Hai Bà<br>Trung, Hà Nội | 0 | 0,00% |                       |



|      |                                                                                                                                     |  |  |            |            |                                     |                                                                                                                               |                 |        |                                                                                                                                                                                                |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <i>GELEX/<br/>Infrastructure<br/>JSC</i>                                                                                            |  |  |            |            |                                     |                                                                                                                               |                 |        |                                                                                                                                                                                                |
| 2.20 | Tổng công ty<br>Viglacera –<br>CTCP/<br><i>Viglacera<br/>Corporation –<br/>JSC</i>                                                  |  |  | 0100108173 | 26/2/2018  | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội               | Tầng 16&17 tòa nhà<br>Viglacera, số 1, Đại lộ<br>Thăng Long, phường Mễ<br>Tri, quận Nam Từ Liêm,<br>thành phố Hà Nội          | 0               | 0,00%  |                                                                                                                                                                                                |
| 2.21 | Công ty Cổ phần<br>Đầu tư KCN<br>Dầu khí Long<br>Sơn (PXL)/<br><i>Long Son<br/>Petroleum<br/>Industrial zone<br/>Investment JSC</i> |  |  | 3500811001 | 20/06/2019 | Sở KH&ĐT<br>HCM                     | Lầu 3, Tòa nhà Khang<br>Thông, số 67 Nguyễn Thị<br>Minh Khai, Phường Bến<br>Thành, Quận 1, Thành phố<br>Hồ Chí Minh, Việt Nam | 0               | 0,00%  | Ông Lê<br>Bá Thọ<br>không<br>còn là<br>TV.HĐQT<br>của PXL<br>từ ngày<br>18/6/2025<br>/ <i>Mr Tho<br/>is no<br/>longer<br/>the<br/>member<br/>of BODs<br/>of PXL<br/>from June<br/>18, 2025</i> |
| 2.22 | Công ty Cổ phần<br>Tập đoàn<br>GELEX/<br><i>GELEX group.,<br/>JSC</i>                                                               |  |  | 0100100512 | 09/06/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội | Số 52 Phố Lê Đại Hành,<br>phường Lê Đại Hành, quận Hai<br>Bà Trưng, TP Hà Nội                                                 | 287.994.<br>720 | 78,69% |                                                                                                                                                                                                |

[illegible]

|      |                                                                                                           |  |  |            |            |                               |                                                                             |           |       |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------|--|
| 3.9  | Trần Nguyễn<br>Vân Anh                                                                                    |  |  |            |            |                               |                                                                             | 0         | 0.00% |  |
| 3.10 | Công ty Cổ phần<br>GVI/<br><i>GVI Joint Stock<br/>Company</i>                                             |  |  | 0109355628 | 11/10/2024 | Sở KH & ĐT<br>TP. Hà Nội.     | Tầng 18, số 52 Lê Đại Hành,<br>p. Lê Đại Hành, q. Hai Bà<br>Trung, Hà Nội.  | 9.000.000 | 2,5%  |  |
| 3.11 | Công ty Cổ phần<br>Cơ điện Miền<br>Trung/<br><i>Central area<br/>Electrical<br/>Mechanical .,<br/>JSC</i> |  |  | 0400528732 | 21/09/2023 | Sở KH & ĐT<br>TP. Đà Nẵng.    | Khu công nghiệp Hòa Cẩm, p.<br>Hòa Thọ Tây, q. Cẩm Lệ, Đà<br>Nẵng.          | 0         | 0.00% |  |
| 3.12 | Công ty cổ phần<br>Dây cáp điện<br>Việt Nam/<br><i>Vietnam Electric<br/>Cable<br/>Corporation</i>         |  |  | 0300381564 | 03/05/2024 | Sở KH&ĐT<br>TP Hồ Chí<br>Minh | 70-72 Nam Kỳ Khởi<br>Nghĩa, Phường Nguyễn<br>Thái Bình, Quận 1,<br>TP.HCM   | 0         | 0.00% |  |
| 3.13 | Công ty cổ phần<br>Thiết bị điện/<br><i>Electrical<br/>Equipment JSC.</i>                                 |  |  | 3600253826 | 04/01/2024 | Sở KH&ĐT<br>Đồng Nai          | KCN Biên Hòa 1, đường<br>số 9, An Bình, TP Biên<br>Hòa, Đồng Nai            | 0         | 0.00% |  |
| 3.14 | Tổng công ty<br>Thiết bị điện<br>Đông Anh –<br>CTCP<br>("EEMC")/<br><i>Dong Anh<br/>Electrical</i>        |  |  | 0100101322 | 20/10/2023 | Sở KH & ĐT<br>TP. Hà Nội      | Số 189 đường Lâm Tiên, thị<br>trấn Đông Anh, huyện Đông<br>Anh, TP. Hà Nội. | 0         | 0.00% |  |



|     |                                                                                                                        |  |                                                         |            |            |                    |                                                                                                 |            |        |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------|------------|------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|--|
|     | <i>Equipment Corporation - JSC</i>                                                                                     |  |                                                         |            |            |                    |                                                                                                 |            |        |  |
| 4   | Đỗ Duy Hưng                                                                                                            |  | Thành viên HĐQT/<br><i>Member of Board of Directors</i> |            |            |                    |                                                                                                 | 120.000    | 0.03%  |  |
| 4.1 | Phạm Huyền Linh                                                                                                        |  |                                                         |            |            |                    |                                                                                                 | 20.280     | 0.008% |  |
| 4.2 | Đỗ Hoàng Phong                                                                                                         |  |                                                         |            |            |                    |                                                                                                 | 0          | 0.00%  |  |
| 4.3 | Phạm Hồng Quý                                                                                                          |  |                                                         |            |            |                    |                                                                                                 | 0          | 0.00%  |  |
| 4.4 | Lê Thị Phiệt                                                                                                           |  |                                                         |            |            |                    |                                                                                                 | 0          | 0.00%  |  |
| 4.5 | Công ty Cổ phần Máy tính – Truyền thông – Điều khiển 3C/<br><i>Computer – Communication – Control 3C Incorporation</i> |  |                                                         | 0100231314 | 17/9/1992  | Sở KH&ĐT TP Hà Nội | Số 149D Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội                                         | 18.000.000 | 4,923% |  |
| 4.6 | Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện Emic/<br><i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC</i>                              |  |                                                         | 0108453005 | 03/01/2023 | Sở KH&ĐT TP Hà Nội | Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội | 0          | 0.00%  |  |

|     |                                                                                                                              |  |                                                                                                               |            |            |                                     |                                                                         |         |       |                                            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|-------|--------------------------------------------|
| 4.7 | Công ty Cổ phần<br>Chế tạo điện cơ<br>Hà Nội /<br><i>Hanoi<br/>Electromechanical<br/>Manufacturing<br/>JSC.</i>              |  |                                                                                                               | 0100100456 | 06/05/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội | Km12 Đường Cầu Diễn -<br>Phường Phúc Diễn - Q. Bắc Từ<br>Liêm - Hà Nội  | 0       | 0.00% |                                            |
| 4.8 | Công ty Cổ phần<br>sản xuất Máy<br>biến áp truyền<br>tải MEE/<br><i>MEE Power<br/>Transformer<br/>Manufacturing<br/>JSC.</i> |  |                                                                                                               | 0106061404 | 02/01/2024 | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội                  | Số 69, tổ 15 thị trấn Đông<br>Anh, huyện Đông Anh,<br>thành phố Hà Nội, | 0       | 0.00% |                                            |
| 5   | Nguyễn Đức<br>Luyện                                                                                                          |  | Thành viên<br>độc lập Hội<br>đồng Quản<br>trị/<br><i>Independant<br/>member of<br/>Board of<br/>Directors</i> |            |            |                                     |                                                                         | 120.000 | 0.03% |                                            |
| 5.1 | Hoàng Cẩm Tú                                                                                                                 |  |                                                                                                               |            |            |                                     |                                                                         | 0       | 0.00% |                                            |
| 5.2 | Nguyễn Hà Thu                                                                                                                |  |                                                                                                               |            |            |                                     |                                                                         | 0       | 0.00% |                                            |
| 5.3 | Nguyễn Hà An                                                                                                                 |  |                                                                                                               |            |            |                                     |                                                                         | 0       | 0.00% | Không có<br>CCCD/<br><i>No ID<br/>card</i> |

|      |                                                                        |  |  |            |            |                        |                                                                                        |   |       |  |
|------|------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--|
| 5.4  | Nguyễn Văn Luận                                                        |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.5  | Nguyễn Thị Nhật                                                        |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.6  | Nguyễn Đức Nam                                                         |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.7  | Bùi Thị Xa                                                             |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.8  | Nguyễn Đức Ninh                                                        |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.9  | Nguyễn Thị Minh Hà                                                     |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.10 | Hoàng Minh Đức                                                         |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.11 | Đỗ Thị Toan                                                            |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.12 | Hoàng Thị Mai                                                          |  |  |            |            |                        |                                                                                        | 0 | 0.00% |  |
| 5.13 | CTCP Hạ tầng<br>GELEX/<br>GELEX<br>Infrastructure<br>., JSC            |  |  | 0107652657 | 13/01/2023 | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội  | Tòa nhà GELEX, Số 52<br>phố Lê Đại Hành, P, Lê<br>Đại Hành, Q, Hai Bà<br>Trung, Hà Nội | 0 | 0.00% |  |
| 5.13 | Công ty cổ phần<br>Viglacera Hạ<br>Long/<br>Viglacera Ha<br>Long .,JSC |  |  | 5700101147 | 11/03/2006 | Sở KH&ĐT<br>Quảng Ninh | TP Hạ Long                                                                             | 0 | 0.00% |  |



[illegible]



|     |                                                                                                 |  |                                                  |            |            |                                  |                                                                                     |   |       |                                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------|
| 7.7 | Nguyễn Hoàng Long                                                                               |  |                                                  |            |            |                                  |                                                                                     |   |       | không có<br>CCCD/<br>No ID<br>card |
| 7.8 | Công ty Dây Đồng Việt Nam<br>CFT/<br>CFT Vina<br>Copper Co., Ltd                                |  |                                                  | 3600241669 | 22/03/2022 | Sở KH&ĐT<br>Đồng Nai             | Đường D3-3, Khu công nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, | 0 | 0.00% |                                    |
| 7.9 | Công ty Cổ phần sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE/<br>MEE Power Transformer Manufacturing JSC |  |                                                  | 0106061404 | 02/01/2024 | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội               | Số 69, tổ 15, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội,                  | 0 | 0.00% |                                    |
| 8   | Bùi Thị Trang                                                                                   |  | TV.BKS /<br>Member of<br>Board of<br>Supervisors |            |            |                                  |                                                                                     | 0 | 0.00% |                                    |
| 8.1 | Bùi Khắc Dũng                                                                                   |  |                                                  |            |            |                                  |                                                                                     | 0 | 0.00% |                                    |
| 8.2 | Lê Thị Thêu                                                                                     |  |                                                  |            |            |                                  |                                                                                     | 0 | 0.00% |                                    |
| 8.3 | Bùi Khắc Chung                                                                                  |  |                                                  |            |            |                                  |                                                                                     | 0 | 0.00% |                                    |
| 8.4 | Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội/                                                         |  |                                                  | 0100100456 | 06/05/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà Nội | Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                | 0 | 0.00% |                                    |



|     |                                                                                                                               |  |                                                                                                                          |            |            |                                    |                                                                                      |              |       |                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------|--------------------------------------------|
|     | <i>Hanoi<br/>Electromechanical<br/>Manufacturing<br/>JSC</i>                                                                  |  |                                                                                                                          |            |            |                                    |                                                                                      |              |       |                                            |
| 8.5 | Công ty Cổ phần<br>Sản xuất Máy<br>biến áp truyền<br>tải MEE /<br><i>MEE Power<br/>Transformer<br/>Manufacturing<br/>JSC.</i> |  |                                                                                                                          | 0106061404 | 02/01/2024 | Sở Kế hoạch<br>và Đầu tư Hà<br>Nội | Số 69, tổ 15, Thị Trấn<br>Đông Anh, Huyện Đông<br>Anh, Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam | 0            | 0.00% |                                            |
| 9   | Nguyễn Trọng<br>Trung                                                                                                         |  | Thành viên<br>HDQT kiêm<br>Tổng Giám<br>đốc/<br><i>Member of<br/>Board of<br/>Directors<br/>cum General<br/>Director</i> |            |            |                                    |                                                                                      | 648.000<br>0 | 0.18% |                                            |
| 9.1 | Nguyễn Trọng<br>Thiệp                                                                                                         |  |                                                                                                                          |            |            |                                    |                                                                                      | 0            | 0.00% |                                            |
| 9.2 | Hà Thị Thúy                                                                                                                   |  |                                                                                                                          |            |            |                                    |                                                                                      | 0            | 0.00% |                                            |
| 9.3 | Hà Thị Hạnh                                                                                                                   |  |                                                                                                                          |            |            |                                    |                                                                                      | 0            | 0.00% |                                            |
| 9.4 | Nguyễn Trọng<br>Toàn                                                                                                          |  |                                                                                                                          |            |            |                                    |                                                                                      | 0            | 0.00% | Không có<br>CCCD/<br><i>No ID<br/>card</i> |
| 9.5 | Nguyễn Hà Lam<br>Phuong                                                                                                       |  |                                                                                                                          |            |            |                                    |                                                                                      | 0            | 0.00% | Không có<br>CCCD/<br><i>No ID<br/>card</i> |

|      |                                                                                                 |  |  |            |                |                       |                                                                                                          |   |       |                                    |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|----------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------|
| 9.6  | Nguyễn Hà Lam<br>Anh                                                                            |  |  |            |                |                       |                                                                                                          | 0 | 0.00% | Không có<br>CCCD/<br>No ID<br>card |
| 9.7  | Nguyễn Trọng<br>Thắng                                                                           |  |  |            |                |                       |                                                                                                          | 0 | 0.00% |                                    |
| 9.8  | Nguyễn Thị<br>Thủy                                                                              |  |  |            |                |                       |                                                                                                          | 0 | 0.00% |                                    |
| 9.9. | Phạm Thị Hải<br>Anh                                                                             |  |  |            |                |                       |                                                                                                          | 0 | 0.00% |                                    |
| 9.10 | Phùng Xuân<br>Viện                                                                              |  |  |            |                |                       |                                                                                                          | 0 | 0.00% |                                    |
| 9.11 | Nguyễn Thị<br>Ninh                                                                              |  |  |            |                |                       |                                                                                                          | 0 | 0.00% |                                    |
| 9.12 | Hà Tiến Lập                                                                                     |  |  |            |                |                       |                                                                                                          | 0 | 0.00% |                                    |
| 9.13 | Công ty Cổ phần<br>Thiết bị đo điện<br>EMIC/<br>EMIC Electrical<br>Measuring<br>Instrument JSC. |  |  | 0108453005 | 03/01/202<br>3 | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội | Tầng 23, tòa nhà GELEX,<br>số 52 Phố Lê Đại Hành,<br>phường Lê Đại Hành, quận<br>Hai Bà Trưng, TP Hà Nội | 0 | 0.00% |                                    |

|      |                                                                                              |  |                                                                                                      |            |            |                                      |                                                                                       |                 |        |                                                          |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------|----------------------------------------------------------|
| 9.14 | Công ty Cổ phần<br>Thiết bị công<br>nghiệp GEIC/<br><i>GEIC Industrial<br/>Equipment JSC</i> |  |                                                                                                      | 0108166233 | 08/09/2023 | Sở KH&ĐT<br>TP.Hà Nội                | Số 52 Phố Lê Đại Hành,<br>phường Lê Đại Hành, quận Hai<br>Bà Trung, TP Hà Nội Nội,    | 0               | 0.00%  |                                                          |
| 9.15 | Công ty Cổ phần<br>Tập đoàn<br>GELEX/<br><i>GELEX group.,<br/>JSC</i>                        |  |                                                                                                      | 0100100512 | 09/06/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội/ | Số 52 Phố Lê Đại Hành,<br>phường Lê Đại Hành, quận Hai<br>Bà Trung, TP Hà Nội         | 287.994<br>.720 | 78,69% |                                                          |
| 9.16 | Công ty TNHH<br>GELEX<br>Technology/<br><i>GELEX<br/>Technology<br/>Company<br/>Limited</i>  |  |                                                                                                      | 0111088088 | 12/06/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội/ | Tầng 23, số 52 Lê Đại<br>Hành, phường Lê Đại<br>Hành, quận Hai Bà Trung,<br>TP.Hà Nội |                 |        |                                                          |
| 10   | Phạm Tuấn<br>Anh                                                                             |  | - Phó Tổng<br>Giám đốc<br>- Người<br>được UQ<br>CBTT<br>- Người<br>Phụ trách<br>quản trị<br>công ty/ |            |            |                                      |                                                                                       | 84.000          | 0.02%  | Không còn<br>là người<br>nội bộ từ<br>ngày<br>29/04/2025 |



[illegible]

|       |                                                                                                |  |                                        |            |            |                      |                                                                                              |        |       |  |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------|------------|------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------|--|
| 10.12 | Công ty Dây Đồng Việt Nam<br>CFT/<br>CFT Vina<br>Copper Co., Ltd                               |  |                                        | 3600241669 | 22/03/2022 | Sở KH&ĐT<br>Đồng Nai | Đường D3-3, Khu công nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | 0      | 0.00% |  |
| 10.14 | Công ty TNHH Phát điện Gelex<br>GELEX Power<br>Generation Co., Ltd.                            |  |                                        | 0107919237 | 13/01/2022 | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội   | số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.                    | 0      | 0.00% |  |
| 10.15 | Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội/<br>Hanoi<br>Electromechanical<br>Manufacturing<br>JSC. |  |                                        | 0100100456 | 01/02/2024 | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội   | Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                         | 0      | 0.00% |  |
| 10.16 | Công ty TNHH Chế tạo Điện cơ HEM/<br>HEM<br>Electromechanical<br>Manufacturing Co., Ltd.       |  |                                        | 0109089694 | 25/12/2024 | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội   | Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                         | 0      | 0.00% |  |
| 11    | Nguyễn Thị Nga                                                                                 |  | Kế toán trưởng/<br>Chief<br>accountant |            |            |                      |                                                                                              | 38.400 | 0.01% |  |

|       |                                                                                |  |  |            |            |                         |                                                                  |   |       |                              |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------|
| 11.1  | Nguyễn Đức Toàn                                                                |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.2  | Ngô Thị Dung                                                                   |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.3  | Nguyễn Văn Lê                                                                  |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.4  | Vũ Thị Lý                                                                      |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.5  | Nguyễn Văn Hợp                                                                 |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.6  | Nguyễn Minh Hưng                                                               |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.7  | Nguyễn Minh Ngọc                                                               |  |  |            |            |                         |                                                                  |   |       | Không có CCCD/<br>No ID card |
| 11.8  | Nguyễn Đức Tín                                                                 |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.9  | Lại Thu Hiền                                                                   |  |  |            |            |                         |                                                                  | 0 | 0.00% |                              |
| 11.10 | Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam/<br><i>Vietnam Electric Cable Corporation</i> |  |  | 0300381564 | 03/05/2024 | Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh | 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM | 0 | 0.00% |                              |
| 11.11 | Công ty cổ phần Thiết bị điện/<br><i>Electrical Equipment JSC</i>              |  |  | 3600253826 | 04/01/2024 | Sở KH&ĐT Đồng Nai       | KCN Biên Hòa 1, đường số 9, An Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai       | 0 | 0.00% |                              |



[illegible]

|       |                                                                                                                |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  |   |       |                   |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------|--|---|-------|-------------------|
| 12.7  | Trần Văn Điều                                                                                                  |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 12.8  | Nguyễn Thị Như Quỳnh                                                                                           |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 12.9  | Nguyễn Văn Vinh                                                                                                |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 12.10 | Nguyễn Văn Quyết                                                                                               |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 12.11 | Hoàng Thị Mỹ Hạnh                                                                                              |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 12.12 | Công ty cổ phần<br>Mua bán Điện<br>GELEX Hưng<br>Yên/<br><i>GELEX Hưng<br/>Yen Electricity<br/>Trading JSC</i> |  |                                                                                               | 0110199765 | 17/01/2025 | Phòng DKKD<br>– Sở Kế hoạch<br>và đầu tư<br>thành phố Hà<br>Nội |  | 0 | 0.00% |                   |
| 13    | Lưu Thị Phượng                                                                                                 |  | <b>Người phụ<br/>trách<br/>quản trị<br/>Công ty/<br/>Corporate<br/>governance<br/>Officer</b> |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 13.1  | Lưu Văn Vãn                                                                                                    |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 13.2  | Đặng Thị Lâm                                                                                                   |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 13.3  | Hồ Diên Trung                                                                                                  |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% |                   |
| 13.4  | Hồ Diên Trung<br>Anh                                                                                           |  |                                                                                               |            |            |                                                                 |  | 0 | 0.00% | Không có<br>CCCD/ |

|       |                                                                                  |  |  |            |            |                                     |                                                                                         |   |       | <i>No ID<br/>card</i> |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------|
| 13.5  | Hồ Diên Thực                                                                     |  |  |            |            |                                     |                                                                                         | 0 | 0.00% |                       |
| 13.6  | Nguyễn Thị Hoa                                                                   |  |  |            |            |                                     |                                                                                         | 0 | 0.00% |                       |
| 13.7  | Lưu Văn Vượng                                                                    |  |  |            |            |                                     |                                                                                         | 0 | 0.00% |                       |
| 13.8  | Mai Thị Thu                                                                      |  |  |            |            |                                     |                                                                                         | 0 | 0.00% |                       |
| 13.9  | Lưu Thị Mai                                                                      |  |  |            |            |                                     |                                                                                         | 0 | 0.00% |                       |
| 13.10 | Hoàng Văn Duy                                                                    |  |  |            |            |                                     |                                                                                         | 0 | 0.00% |                       |
| 13.11 | Công ty Cổ phần<br>Mua bán Điện<br>GELEX/<br>GELEX<br>Electricity<br>Trading JSC |  |  | 0109975082 | 14/03/2025 | Sở Tài Chính<br>Thành phố Hà<br>Nội | Số 52 Phố Lê Đại Hành,<br>Phường Lê Đại Hành, Quận<br>Hai Bà Trưng, Thành phố<br>Hà Nội | 0 | 0.00% |                       |



**PHỤ LỤC 07: GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY/**  
*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

| Stt<br>No | Người thực hiện giao<br>dịch/ <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với Công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the Company</i>                            | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/<br><i>Number of shares owned at<br/>the beginning of the period</i> |                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/<br><i>Number of shares owned at<br/>the end of the period</i> |                            | Lý do tăng, giảm<br>(mua, bán, chuyển<br>đổi, thưởng...) /<br><i>Reasons for<br/>increasing,<br/>decreasing (buying,<br/>selling, converting,<br/>rewarding, etc.)</i>                                   |
|-----------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                           |                                                                                             | Số cổ phiếu<br><i>Number of<br/>shares</i>                                                     | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> | Số cổ phiếu<br><i>Number of<br/>shares</i>                                                | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> |                                                                                                                                                                                                          |
| 1         | Ông Nguyễn Văn Tuấn<br><i>Mr Nguyen Van Tuan</i>          | Chủ tịch Hội đồng<br>quản trị từ ngày<br>25/3/2025/<br><i>Chairman until<br/>25/03/2025</i> | 0                                                                                              | 0%                         | 720.000                                                                                   | 0,20%                      | Mua cổ phiếu ESOP<br>và được nhận cổ<br>phiếu phát hành từ<br>nguồn vốn chủ sở hữu<br>của Công ty/ <i>Bought<br/>ESOP shares and<br/>received more shares<br/>issued from Equity of<br/>the Company.</i> |
| 2         | Ông Lê Bá Thọ<br><i>Mr Le Ba Tho</i>                      | Chủ tịch Hội đồng<br>quản trị từ ngày<br>25/3/2025/<br><i>Chairman from<br/>25/03/2025</i>  | 0                                                                                              | 0%                         | 720.000                                                                                   | 0,20%                      |                                                                                                                                                                                                          |
| 3         | Ông Đặng Phan Tường<br><i>Mr Dang Phan Tuong</i>          | Thành viên HĐQT/<br><i>Member of Board of<br/>Directors</i>                                 | 0                                                                                              | 0%                         | 240.000                                                                                   | 0,07%                      |                                                                                                                                                                                                          |
| 4         | Ông Đỗ Duy Hưng<br><i>Mr Do Duy Hung</i>                  | Thành viên HĐQT<br><i>Member of Board of<br/>Directors</i>                                  | 0                                                                                              | 0%                         | 120.000                                                                                   | 0,03%                      |                                                                                                                                                                                                          |

|   |                                                        |                                                                                                                    |         |      |         |       |  |
|---|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------|---------|-------|--|
| 5 | Ông Nguyễn Trọng Trung<br><i>Mr Nguyen Trong Trung</i> | Thành viên HĐQT<br>kiêm Tổng Giám<br>đốc/<br><i>Member of Board<br/>of Directors cum<br/>General Director</i>      | 300.000 | 0,1% | 648.000 | 0,18% |  |
| 6 | Ông Nguyễn Đức Luyện<br><i>Mr Nguyen Duc Luyen</i>     | Thành viên độc lập<br>HĐQT/ <i>Independent<br/>member of Board of<br/>Directors</i>                                | 0       | 0%   | 120.000 | 0,03% |  |
| 7 | Ông Phạm Tuấn Anh<br><i>Mr Pham Tuan Anh</i>           | Phó Tổng Giám đốc<br>đến ngày 29/4/2025/<br><i>Vice General<br/>Director until<br/>29/04/2025</i>                  | 0       | 0%   | 84.000  | 0.02% |  |
| 8 | Bà Nguyễn Thị Nga<br><i>Ms Nguyen Thi Nga</i>          | Kế toán trưởng/<br><i>Chief Accountant</i>                                                                         | 0       | 0%   | 38.400  | 0.01% |  |
| 9 | Ông Dương Quang Sơn<br><i>Mr Duong Quang Son</i>       | Chủ tịch HĐQT của<br>GETC – công ty con<br>và là Người có liên<br>quan của người nội<br>bộ đến ngày<br>25/03/2025. | 0       | 0%   | 240.000 | 0,07% |  |